

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XDGT QUẢNG BÌNH

☆☆☆☆☆☆☆☆

HỒ SƠ NĂNG LỰC

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐCCT & VLXD



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG GIAO THÔNG QUẢNG BÌNH
Địa chỉ: 60 Lê Thành Đồng, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị
Điện thoại: 0232.3822.456 - Fax: 0232.3825.125
Email: tvgtqb60@gmail.com



I. THÔNG TIN CHUNG

a. Tên công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG GIAO THÔNG QUẢNG BÌNH

b. Tên giao dịch Quốc tế:

QUANG BINH TRANSPORTION CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

c. Tên viết tắt: **QTCC**

d. Trụ sở Công ty:

- Địa chỉ: Số 60 đường Lê Thành Đồng, Phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

- Điện thoại: 0232.3822.456 - 3820.468; Fax: 0232.3825.125;

- Email: tvgtqb60@gmail.com;

- Tài khoản: 531 000 0064. Tại: Ngân hàng TMCP ĐT & PT Quảng Bình.

- Mã số thuế: 3100.131.925

g. Năm thành lập và quá trình hình thành phát triển

Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng giao thông Quảng Bình hình thành từ ngày 02/10/1989 tại Quyết định số 223/QĐ/UB với tên gọi Xí nghiệp Khảo sát thiết kế Giao thông đến ngày 05/9/1993 Ủy ban nhân tỉnh ra Quyết định số 68/QĐ/UB về việc thành lập doanh nghiệp Nhà Nước cùng với tên gọi Xí nghiệp Khảo sát thiết kế Giao thông Quảng Bình, ngày 08/11/1995 đổi tên doanh nghiệp Nhà Nước từ Xí nghiệp Khảo sát thiết kế Giao thông Quảng Bình thành Công ty Tư vấn xây dựng giao thông Quảng Bình. Đến nay thực hiện Nghị định số 28/CP ngày 07/5/1996 của Chính phủ về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần và được Ủy ban nhân tỉnh áp dụng ra Quyết định số 89/2004/QĐ-UB ngày 15/12/2004 về việc chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước: Công ty Tư vấn xây dựng giao thông Quảng Bình thành Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng giao thông Quảng Bình.

Công ty là một đơn vị kinh tế hạch toán độc lập, có đầy đủ tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng. Với đội ngũ công nhân viên bao gồm nhiều kỹ sư, cử nhân và công nhân lành nghề nhiều kinh nghiệm, đơn vị đã và đang thực hiện tốt nhiệm vụ khảo sát thiết kế, tư vấn giám sát các công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và một số tỉnh bạn.

2. Các lĩnh vực hoạt động chủ yếu:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn lý thuật có liên quan:

Chi tiết: Thiết kế các công trình giao thông; Thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thiết kế xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật; Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất- thủy văn; Khảo sát, Lập quy hoạch; Thẩm định



dự án đầu tư, thẩm định thiết kế kỹ thuật- dự toán; Kiểm tra phân tích thí nghiệm mẫu độ bền cơ học, kết cấu vật liệu, điều tra đánh giá hiện trạng và lập báo cáo tác động môi trường; Kiểm định các công trình XD/CB về giao thông; Giám sát thi công các công trình giao thông; Giám sát thi công các công trình dân dụng-công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Giám sát thi công các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

3. Năng lực hoạt động:

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số QUB-00010244 cấp ngày 14/2/2023; ngày 14/3/2020 và ngày 31/3/2020 của Giám đốc Sở Xây dựng Quảng Bình về việc cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức. Trong đó:

1. Khảo sát địa hình: Hạng II.
 2. Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn: Hạng II.
 3. Thiết kế, thẩm tra thiết kế công trình Giao thông (cầu, đường bộ): Hạng II;
 4. Giám sát thi công xây dựng công trình Giao thông (cầu, đường bộ): Hạng II.
 5. Thiết kế, thẩm tra thiết kế công trình Hạ tầng kỹ thuật: Hạng II.
 6. Giám sát thi công xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật: Hạng II.
 7. Thiết kế, thẩm tra thiết kế công trình Nông nghiệp và PTNT: Hạng III.
 8. Giám sát thi công xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT: Hạng III.
- Đăng ký thông tin trên hệ thống đấu thầu quốc gia.

4. Cơ cấu tổ chức

a. Ban lãnh đạo:



Thạc sỹ- Kỹ sư: Nguyễn Mạnh Thắng
Chủ tịch Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty

Điều hành hoạt động của Công ty, có hơn 23 năm kinh nghiệm trong công tác QLDA, thiết kế và GS. Là chủ trì, chủ nhiệm thiết kế và tham gia các công trình lớn như QL12A, Cầu Quảng Hải, Cầu Kiến Giang, Đường tránh QL1A đoạn tránh thành phố Đồng Hới, Mở rộng Quốc lộ 1A phân đoạn Km649+700 - Km657+025,89; Hệ thống đường từ cầu Nhật Lệ 2 đến đường HCM nhánh Đông; Đường phía Đông dọc bờ sông Lệ Kỳ kết hợp đê chống lũ cho phường Phú Hải, thành phố Đồng Hới; Đường nối từ đường tránh QL1A với nhánh Đông đường HCM thuộc dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ



An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình; Đường nối từ QL1 đến đường HCM nhánh Đông, huyện Bố Trạch...



Kỹ sư: Trần Văn Nghĩa

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - Phó Giám đốc Công ty

Có hơn 25 năm kinh nghiệm trong công tác lập dự toán, thiết kế và GSTC. Là chủ trì, chủ nhiệm lập dự toán và tham gia thiết kế, giám sát thi công các công trình lớn Hệ thống đường từ cầu Nhật Lệ 2 đến đường HCM nhánh Đông; Đường phía Đông dọc bờ sông Lệ Kỳ kết hợp đê chống lũ cho phường Phú Hải, thành phố Đồng Hới; Đường nối từ đường tránh QL1A với nhánh Đông đường HCM thuộc dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình; Đường nối từ QL1 đến đường HCM nhánh Đông, huyện Bố Trạch...



Kỹ sư: Hoàng Khánh Lâm

Phó Giám đốc Công ty – Kiêm Trưởng phòng Quản lý dự án và TVGS

Có hơn 29 năm kinh nghiệm trong công tác khảo sát, thiết kế và GSTC. Là chủ trì, chủ nhiệm khảo sát địa hình và tham gia thiết kế và Tư vấn trưởng giám sát nhiều công trình như: Đường nối từ đường tránh QL1A với nhánh Đông đường HCM thuộc dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình; Cầu BTCT xã Quảng Lộc, Đường Trầm Mé, Đường Nam Lý - Trung Trương (đoạn QL1 tuyến tránh đến đường HCM nhánh Đông) thuộc Kế hoạch thực hiện năm thứ ba, Hợp phần khôi phục cải tạo đường địa phương, Dự án LRAMP, tỉnh Quảng Bình; Đường tỉnh 559B (từ Km38+580 đến cuối tuyến - Đoạn 1 (từ Km38+580 đến Km42+880) thuộc Kế hoạch thực hiện năm thứ tư, Hợp phần khôi phục cải tạo đường địa phương, Dự án LRAMP, tỉnh Quảng Bình...

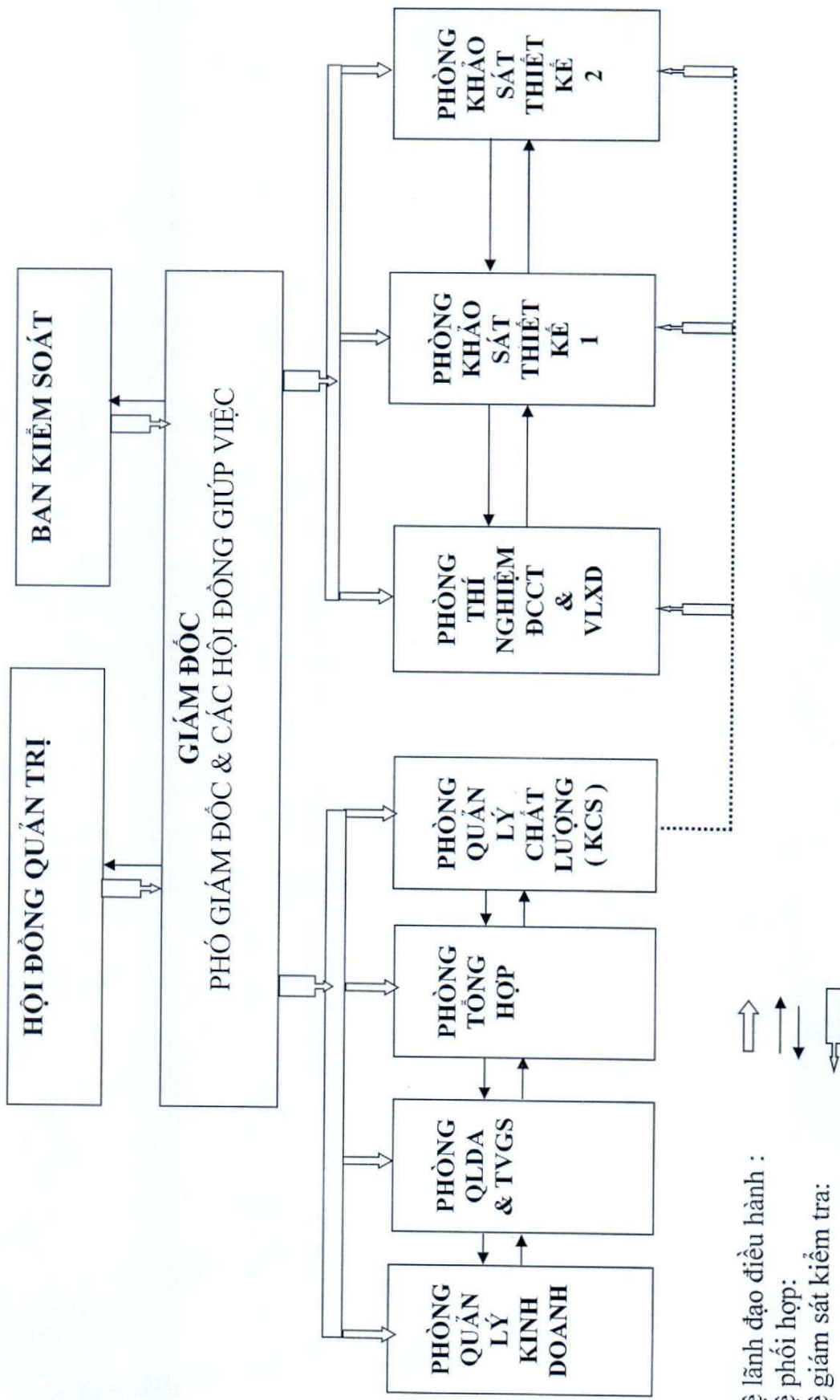


b. Phòng ban chức năng:

1.	Phòng Tổng hợp		
Ông	Lê Hữu Thoan	Chức vụ	Trưởng phòng
Bà	Võ Thị Phụng	Chức vụ	Kế toán Trưởng
2.	Phòng Quản lý kinh doanh		
Bà	Lê Thị Hồng	Chức vụ	Phó phòng
3.	Phòng Thí nghiệm ĐCCT & VLXD		
Ông	Lê Thuận Kiên	Chức vụ	Trưởng phòng
Ông	Nguyễn Tri Phương	Chức vụ	Phó trưởng phòng
4.	Phòng Khảo sát thiết kế 1		
Ông	Nguyễn Trung Kiên	Chức vụ	Trưởng phòng
Ông	Nguyễn Thanh Tùng	Chức vụ	Phó trưởng phòng
Ông	Trần Xuân Hữu	Chức vụ	Phó trưởng phòng
5.	Phòng Khảo sát thiết kế 2		
Ông	Bùi Đức Trọng	Chức vụ	Trưởng phòng
Ông	Lê Đức Thiện	Chức vụ	Phó phòng
6.	Phòng Quản lý Dự án & Tư vấn Giám sát		
Ông	Hoàng Khánh Lâm	Chức vụ	Phó Giám đốc/ Trưởng phòng
Ông	Lê Thuận Cường	Chức vụ	Phó Trưởng phòng



c. Tổ chức bộ máy Công ty:



Quan hệ lãnh đạo điều hành :

Quan hệ phối hợp:

Quan hệ giám sát kiểm tra:



5. Hệ thống quản lý chất lượng:

Công ty đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015.





ISO 9001:2015



VICAS 025-QMS

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: 10672504

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG GIAO THÔNG QUẢNG BÌNH

Số 60 đường Lê Thành Đồng, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Khảo sát địa hình và địa chất; Thiết kế công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật;
Giám sát thi công, thẩm tra thiết kế và quản lý dự án công trình giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật;
Thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm định chất lượng công trình xây dựng

ISO 9001:2015

Hiệu lực từ : 10/07/2025
Hiệu lực đến: 09/07/2026
Ngày cấp ban đầu: 10/07/2018



Chu kỳ chứng nhận: 10/07/2024 - 09/07/2027



TRẦN THẠNH

CÔNG TY TNHH KENCERT

24 Vũ Hữu, phường Hoà Cường, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: (+84) 2363634221 - 2363634225 - Email: info@kencert.vn - Website: kencert.vn

Đính kèm theo đây là:

1. Hồ sơ pháp lý:

- Quyết định số 89/2004/QĐ-UB ngày 15/12/2004 về việc chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước: Công ty Tư vấn xây dựng giao thông Quảng Bình thành Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng giao thông Quảng Bình;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh “Đăng ký thay đổi lần 4” số 3100131295 ngày 08/7/2025 do Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị cấp;
- Giấy chứng nhận số 315/GCN-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số QUB-00010244 cấp ngày 14/2/2023; ngày 14/3/2020 và ngày 31/3/2020 của Giám đốc Sở Xây dựng Quảng Bình về việc cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức;



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập tự do Hạnh phúc

Số: *89* /2004/QĐ-UB

Đồng hời, ngày *15* tháng 12 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

V/v: *Chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước: Công ty tư vấn xây dựng Giao thông Quảng Bình thành Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Giao thông Quảng Bình.*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Căn cứ Luật doanh nghiệp Nhà nước ngày 26 tháng 11 năm 2003
- Căn cứ Nghị định số: 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc "Chuyển Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần";
- Căn cứ Quyết định số: 264/QĐ-TTg ngày 10/3/2003 của Thủ tướng chính phủ về việc "Phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới DNNN tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2003-2005";
- Xét đề nghị của Ban đổi mới và PTDN tỉnh tại biên bản cuộc họp ngày 3/12/2004;
- Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số: 1050/KHĐT-KTN ngày 9 tháng 12 năm 2003 về việc: Trình phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty Tư vấn xây dựng Giao Thông Quảng Bình,

QUYẾT ĐỊNH

Điều I: Phê duyệt phương án cổ phần hóa doanh nghiệp: Công ty tư vấn xây dựng Giao Thông Quảng Bình trực thuộc Sở Giao Thông-Vận Tải thành Công ty Cổ phần xây dựng Giao thông Quảng Bình với những nội dung như sau:

1- Cơ cấu vốn điều lệ:

Vốn điều lệ Công ty cổ phần: 2.357.000.000 đồng.

- Tỷ lệ cổ phần Nhà nước: Không

- Tỷ lệ cổ phần bán cho người lao động trong doanh nghiệp: 100% vốn Điều lệ

2- Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp: 6.639.184.092 đồng.

- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp là: 2.077.118.154 đồng.

3- Ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp:

- Tổng số cổ phần theo giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp đăng ký mua: 7.790 cổ phần, giá trị là: 779.000.000 đồng.

Chuan

Trong đó: - Người lao động trong doanh nghiệp được hưởng ưu đãi là: 233.700.000 đồng

- Tổng số cổ phần theo giá ưu đãi cho người lao động nghèo trong doanh nghiệp trả dần trong 10 năm là: 840 cổ phần, giá trị là: 84.000.000 đồng.

4- Giá trị phần vốn Nhà nước còn lại ở doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa là: 1.693.418.154 đồng. Trong đó:

+ Số cổ phần bán ưu đãi cho người nghèo trả chậm là 84.000.000 đồng, doanh nghiệp có trách nhiệm thu hồi và nộp vào Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình (Tài khoản Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tỉnh) theo đúng thời gian quy định tại Nghị định số: 64/2002/NĐ-CP ngày 19/6/2002 của Chính phủ.

+ Số tiền còn lại 1.609.418.154 đồng doanh nghiệp có trách nhiệm bán và nộp vào Kho Bạc Nhà nước Quảng Bình (Tài khoản Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tỉnh) trong thời hạn 2 năm. (Năm 2004: nộp 800.000.000 đồng; năm 2005: nộp: 809.418.154 đồng). Đến thời hạn trên nếu không nộp đủ, thì doanh nghiệp phải chịu lãi suất nợ vay ngắn hạn, quá hạn đối với số vốn còn lại theo lãi suất vay ngân hàng thương mại tại thời điểm đó.

Điều II: Chuyển doanh nghiệp Nhà nước: *Công ty tư vấn xây dựng Giao thông Quảng Bình thành Công ty cổ phần.*

- Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG GIAO THÔNG QUẢNG BÌNH.

Trụ sở giao dịch: Đường Lê Thành Đồng-Phường Hải Thành-Thành phố Đồng Hới - Quảng Bình.

- Điện thoại: 052.822456; Fax:052.825125

Điều III: Ngành nghề kinh doanh của *Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Giao thông Quảng Bình*

- Tư vấn : Khảo sát lập quy hoạch, dự án đầu tư, thiết kế KT-TC-dự toán, bản vẽ thi công, HSMT, HSDT các công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng, công nghiệp, điện, nước; Điều tra đánh giá hiện trạng và lập báo cáo tác động môi trường; Thí nghiệm cung cấp, kiểm tra các thông số kỹ thuật phục vụ thiết kế, kiểm định, kiểm tra chất lượng công trình;

- Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế kỹ thuật-dự toán.

- Quản lý dự án, giám sát công trình xây dựng giao thông, thủy lợi, xây dựng dân dụng-công nghiệp.

- Xây dựng và cung ứng vật tư, kỹ thuật: Giao thông, thủy lợi, dân dụng-công nghiệp; Đại lý giới thiệu và phân phối sản phẩm chuyên ngành xây dựng.

Điều IV: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Giao Thông Quảng Bình: Là pháp nhân theo Pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp đăng ký kinh doanh, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của Pháp luật. Hoạt động theo điều lệ Công ty cổ phần của Luật Doanh nghiệp.

- Giám đốc và Kế toán trưởng doanh nghiệp Nhà nước có trách nhiệm điều hành công việc quản lý cho đến khi bàn giao toàn bộ doanh nghiệp cho Hội

Man

đồng quản trị và giám đốc Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Giao thông Quảng Bình.

Điều V: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1003/QĐ-UB ngày 8/11/1995 về thành lập doanh nghiệp Nhà nước: Công ty tư vấn xây dựng Giao thông Quảng Bình.

Điều VI: Chánh văn phòng UBND tỉnh, Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp tỉnh, các Sở Ban, ngành liên quan, giám đốc Doanh nghiệp Nhà nước: Công ty tư vấn xây dựng Giao thông Quảng Bình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban ĐM-PTDN TW
- VP Chính phủ
- Bộ KH-ĐT; Bộ TC
- Thường vụ tỉnh ủy (Báo cáo)
- TT HĐND tỉnh
- Đ/c Bí thư tỉnh ủy
- CT, PCT UBND tỉnh
- Sở GT-VT, các ngành liên quan
- BDM&PTDN, tổ chuyên viên tỉnh
- DN Cổ phần hóa
- Lưu VT, PKT-TH

TM/UBND TỈNH QUẢNG BÌNH

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HẢI THÀNH
CHỨNG THỰC BẢN SÀO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
PHẠM THỊ BÍCH LỰA

Ngày: 02 -03- 2023

Số chứng thực: 339Quyển số: 01UBND/CT

CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Thắng



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 3100131925

Đăng ký lần đầu: ngày 06 tháng 01 năm 2005

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 08 tháng 07 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG
GIAO THÔNG QUẢNG BÌNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QUANG BINH TRANSPORTATION
ENGINEERING CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: QTCC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 60 - Lê Thành Đồng, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Điện thoại: 0232 3822456

Số Fax: 0232 3825125

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ: 2.568.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 25.680

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN MẠNH THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Ngày, tháng, năm sinh: 03/01/1978

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 044078004795

Địa chỉ liên lạc: *Số 60 - Lê Thành Đồng, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam*

Handwritten signature

Ngày: 14-07-2025

CÔNG CHỨNG VIÊN



Handwritten signature: Trần Trọng Vương

**KT. TRƯỞNG PHÒNG,
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Handwritten signature: Võ Thị Thanh Huyền



CHỨNG CHỈ

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: QUB-00010244

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG GIAO THÔNG QUẢNG BÌNH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 3100131925

Ngày cấp: 06/01/2005, thay đổi lần 3 ngày 31/12/2019.

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình.

Tên người đại diện theo pháp luật:

Ông/Bà: Nguyễn Mạnh Thắng

- Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 60 đường Lê Thành Đồng, phường Hải Thành, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Số điện thoại: 02323820468

Số fax: 02323825125

E-mail: Tvgtqb60@gmail.com

Websibe:

Phạm vi hoạt động xây dựng:

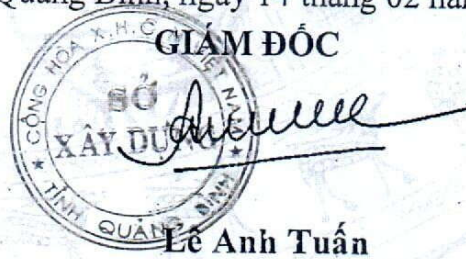
1. Khảo sát địa hình: Hạng II.
2. Khảo sát địa chất công trình: Hạng II.
3. Thiết kế, thẩm tra thiết kế công trình giao thông (cầu, đường bộ): Hạng II.
4. Giám sát thi công xây dựng công trình Giao thông (cầu, đường bộ): Hạng II.

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 14/02/2033.

CHỨNG THỰC ĐẾN HẾT NGÀY: 14/02/2033.
Số chứng thực: 8779.....Quyển số: 06.....SCT/BS

Ngày: 10-06-2025

Quảng Bình, ngày 14 tháng 02 năm 2023



Lê Anh Tuấn

Trần Thị Loan

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: QUB-00010244

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG GIAO THÔNG QUẢNG BÌNH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 3100131925

Ngày cấp: 06/01/2005, thay đổi lần 3 ngày 31/12/2019.

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình.

Tên người đại diện theo pháp luật:

Ông/Bà: Nguyễn Mạnh Thắng

- Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ trụ sở chính: Số 60 đường Lê Thành Đồng, phường Hải Thành, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Số điện thoại: 02323822456

Số fax:

E-mail: Tvgtqb60@gmail.com

Websibe:

Phạm vi hoạt động xây dựng:

1. Thiết kế, thẩm tra thiết kế công trình Hạ tầng kỹ thuật: Hạng II.
2. Giám sát thi công xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật: Hạng II.

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 02/3/2030.

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HẢI THÀNH
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

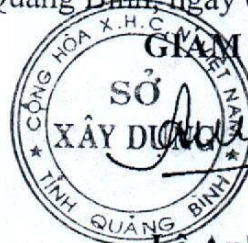
Ngày 19-08-2020

Số chứng thực 3223 Quyền số UBND/CT-BS

CHỦ TỊCH



Quảng Bình, ngày 02 tháng 3 năm 2020



Lê Anh Tuấn

(Ban hành theo Quyết định số: 595/QĐ-SXD ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Sở Xây dựng Quảng Bình)

CHỨNG CHỈ

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: QUB-00010244

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG GIAO THÔNG QUẢNG BÌNH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 3100131925

Ngày cấp: 06/01/2005, thay đổi lần 3 ngày 31/12/2019.

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình.

Tên người đại diện theo pháp luật:

Ông/Bà: **Nguyễn Mạnh Thắng**

- Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 60 đường Lê Thành Đồng, phường Hải Thành, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Số điện thoại: 02323822456

Số fax:

E-mail: Tvgtqb60@gmail.com

Websibe:

Phạm vi hoạt động xây dựng:

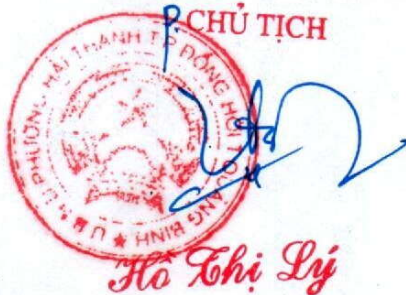
1. Thiết kế, thẩm tra thiết kế công trình Nông nghiệp và PTNT: Hạng III.
2. Giám sát thi công xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT: Hạng III.

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 31/3/2030.

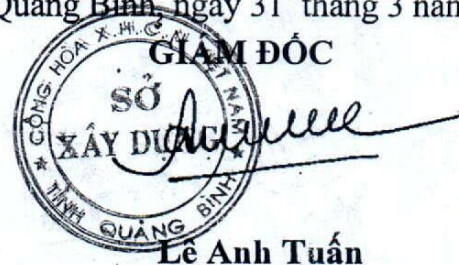
ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HẢI THÀNH!
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH!

Ngày: **19-08-2020**

Số chứng thực: 3224 Quyền số: UBND/CT-BS



Quảng Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2020



(Ban hành theo Quyết định số: 1047/QĐ-SXD ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Sở Xây dựng Quảng Bình)

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN SAO

Số: **315** /GCN-BXD

Hà Nội, ngày **24** tháng **10** năm **2022**

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng giao thông Quảng Bình và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 08/10/2022.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng giao thông Quảng Bình

Địa chỉ: Số 60 đường Lê Thành Đồng, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Mã số thuế: **3100131925**

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Địa chất công trình và vật liệu xây dựng (LAS-XD 169)

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 60 đường Lê Thành Đồng, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 169**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp./.

Nơi nhận: **CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

- Công ty Cổ phần XD giao thông Quảng Bình; Quyền số: **05** - SCT/BS
- SXD tỉnh Quảng Bình; Ngày: **15-05-2025**
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN & MC

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG

VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh



Nguyễn Hữu Bắc

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 169**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
số: 315 /GCN-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022)

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
1	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012 AASHTO T100; ASTM D854
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; AASHTO T265
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012 AASHTO T89, T90; ASTM D4318
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014 AASHTO T88; ASTM D2487
	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995 AASHTO T236; ASTM D3080
	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020 22 TCN 333-06; AASHTO T180, T99
	Khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
	Sức chịu tải của đất trong phòng (CBR)	TCVN 12792:2020; 22 TCN 332-06 AASHTO T193; ASTM D1883
2	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006 ASTM C136, D546 AASHTO T27, T30, T37
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006 AASHTO T84; ASTM C127, C128
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006 AASHTO T85; ASTM C127
	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hở, độ ẩm	TCVN 7572-6:2006
	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006 ASTM C142; AASHTO T112
	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006 AASHTO T21; ASTM C40
	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006
	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006 ASTM D4791

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006
	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
	Xác định hệ số (ES)	AASHTO T176
3	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:1993 AASHTO T119; ASTM C143
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:1993
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:1993
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:1993
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:1993
	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:1993
	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:1993
4	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003 AASHTO T128; ASTM C184
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; ASTM C187, C191 AASHTO T129, T131
	Xác định độ bền uốn và nén của xi măng	TCVN 6016:2011 AASHTO T106; ASTM C109
5	THỬ NGHIỆM NHỰA BI TUM	
	Xác định độ kim lún ở 25 °C	TCVN 7495:2005 AASHTO T49; ASTM D5
	Xác định độ kéo dài ở 25 °C	TCVN 7496:2005 AASHTO T51; ASTM D113
	Xác định điểm hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005; AASHTO T53
	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:2005 AASHTO T48; ASTM D92
	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005 AASHTO T47; ASTM D6
	Xác định lượng hoà tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005; ASTM D2042
	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005 AASHTO T228; ASTM D70
	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005 AASHTO T195; ASTM D3625
	Xác định chỉ số độ kim lún PI	Thông tư số 27/2014/TT-BGTVT
6	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
	Xác định thành phần hạt	TCVN 12884-2:2020
	Chỉ số dẻo của bột khoáng	TCVN 4197:2012
	Xác định độ ẩm	TCVN 12884-2:2020

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	Tỷ trọng	TCVN 8735:2012
	Xác định hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020
7	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011 AASHTO T245; ASTM D1559
	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011 AASHTO T164; ASTM D2172
	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011 AASHTO T27; ASTM C136
	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011 AASHTO T209; ASTM D2041
	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đầm nén	TCVN 8860-5:2011 AASHTO T269; ASTM D3203
	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017
8	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN	
	Thử kéo vật liệu kim loại	TCVN 197-1:2014
	Thử uốn vật liệu kim loại	TCVN 198:1995
	Kiểm tra chất lượng mối hàn -Thử uốn	TCVN 5401:2010
	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo	TCVN 8310:2010; TCVN 8311:2010
9	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2003
	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2003
	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:2003
	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2003
10	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY	
	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009
	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
11	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
	Xác định mô đun đàn hồi bằng cân Benkelman	TCVN 8867:2011
	Xác định mô đun đàn hồi bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
	Xác định khối lượng thể tích bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346:06
	Xác định khối lượng thể tích bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020 22TCN 02-71; TCVN 8729:2012

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.



Số: 48/QĐ - TV

Đồng Hới, ngày 21 tháng 05 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v Bổ nhiệm chức vụ cán bộ

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CP TVXD GIAO THÔNG QUẢNG BÌNH

- Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-UB ngày 15/12/2004 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước từ Công ty Tư vấn xây dựng Giao thông Quảng Bình thành Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Giao thông Quảng Bình;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần TVXD Giao thông Quảng Bình đã được Đại hội đồng cổ đông sáng lập nhất trí thông qua ngày 27/12/ 2004; và được sửa đổi bổ sung ngày tại Đại hội cổ đông nhiệm kỳ IV- 2019-2023, ngày 16/5/2019;
- Căn cứ Biên bản phiên họp HĐQT lần thứ hai, ngày 21/5/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ nhiệm ông: Lê Thuận Kiên.

Sinh ngày: 03/3/1985.

Nghề nghiệp: Kỹ sư Địa chất.

Nay giữ chức vụ: Trưởng phòng Thí nghiệm ĐCCT & VLXD - Công ty Cổ phần Tư vấn XD Giao thông Quảng Bình.

Thời gian: Kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2019.

Điều 2. Ông Lê Thuận Kiên được hưởng phụ cấp chức vụ trong doanh nghiệp hạng ba theo quy định của Nhà nước hiện hành;

Lương hưởng thực hiện theo Quy chế khoán sản phẩm của Công ty.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà); Trưởng phòng: TH; QLKD; KSTK1; KSTK2; QLDA&TVGS; TN ĐCCT & VLXD và ông Lê Thuận Kiên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu vt.



Nguyễn Mạnh Thắng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành
theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường
Đại học Khoa học Huế.....

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo **CHÍNH QUY**
ngành *Địa chất*.....
hạng *T.B.ĐH*... năm tốt nghiệp *2008*.....

và công nhận danh hiệu

Trì nhân Khoa học.....

Số vào sổ

A 0222289

266.....

cho *Le Thuân Diên*.....

sinh ngày *03.03.1985* tại *Đà Nẵng* tháng *07* năm *2008*.....

Chữ ký của người được cấp **BẰNG NHÂN DÂN PHƯƠNG HẢI THÀNH**
CHỨNG THỰC BẢN SẠC ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Hiệu trưởng

Ngày **07-07-2022**

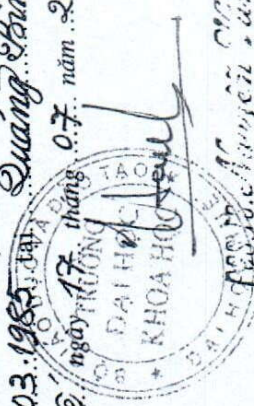
Khoa trưởng

Số chứng thực: *2277*..... Quyền số: *UBNDICT*

CHỦ TỊCH



Hồ Thị Lý



Ph.D. Nguyễn Văn Tiến

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ THÔNG TIN



Chứng nhận ông/bà: **Lê Thuận Kiên**

Ngày tháng năm sinh: 03/3/1985

Nơi thường trú: **Quảng Bình**

Trình độ chuyên môn: **CN. Khoa học địa chất**

Đã hoàn thành chương trình: **Bồi dưỡng nghiệp vụ**

Quản lý Phòng thí nghiệm chuyên ngành XDGT

Khoá: 47 Thời gian tổ chức: 18/10 ÷ 21/10/2016

Tại: **Thành phố Đà Nẵng**

(Chữ ký của người được cấp)

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2016

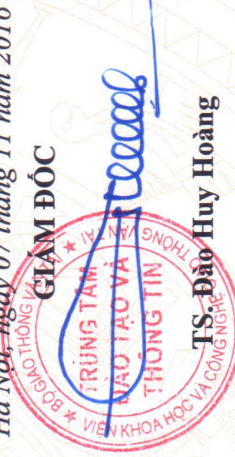
GIÁM ĐỐC

Số CMT (hoặc hộ chiếu): 194260112

Ngày cấp: 13/6/2002 Nơi cấp: Quảng Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Số: 06.K47.16/QLPTN



TS. Đào Huy Hoàng

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr **Tran Quang Trung**

Has successfully passed the Training Course on

**Testing Methods for Determining
the Physico-Mechanical Properties of
Concrete and Building Materials**

In March-April 2005

Ref. N^o. 167.1/2005/VKH -TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Trần Quang Trung**
Ngày sinh: 15/7/1969 - *Quê quán:* Quảng Bình
Cơ quan: Cty CP Tư vấn XD GT- Quảng Bình

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp xác định các tính chất cơ-lý
Bê tông và Vật liệu Xây dựng**

Thời gian tổ chức: Tháng 3-4 năm 2005

Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2005

Viện trưởng
VIỆN KHCN XÂY DỰNG



PGS., TS. Cao Duy Tiên

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

Cấp

CHỨNG CHỈ

Cho ông/bà: **Trần Quang Trung**

Sinh ngày: **17/05/1969**

Nơi thường trú: **Quảng Bình**

Trình độ chuyên môn: **Trung cấp - Địa chất công trình**

Đã hoàn thành chương trình:

Đào tạo Thí nghiệm viên ngắn hạn

Chuyên ngành: **Xây dựng công trình giao thông**

Khóa: **03** Tổ chức: **07/03 ÷ 21/03/2022**

tại: **Thành phố Hà Nội**

Xếp loại: **Giỏi**

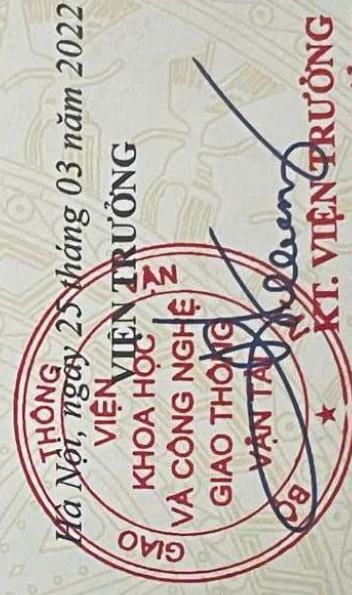


(Chữ ký của người có giá trị)



Số: **122.03.22/VKHCN-TNV**

(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)



KI. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Dinh Văn Tiên

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

Cấp
CHỨNG CHỈ

Cho ông/bà: *Lưu Hồng Phong*

Sinh ngày: *09/06/1984*

Nơi thường trú: *Quảng Bình*

Trình độ chuyên môn: *Kỹ sư - Kỹ thuật xây dựng công trình*
Đã hoàn thành chương trình:

Đào tạo Thí nghiệm viên ngắn hạn

Chuyên ngành: *Xây dựng công trình giao thông*

Khóa: *03* Tổ chức: *07/03 ÷ 21/03/2022*

tại: *Thành phố Hà Nội* Xếp loại: *Giỏi*



(Chữ ký của người được cấp)



Hà Nội, ngày *25* tháng *03* năm *2022*



Số: *155.03.22/VKHCN-TNV*

(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHO VIỆN TRƯỞNG

Đinh Văn Tiên

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

BẰNG NGHỀ

000349099

Số hiệu:

ILPTBXH - DN



Chữ ký của người được cấp bằng

Vào số số: 19.752
Ngày 05 tháng 04 năm 2008.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

Trường: Cao đẳng nghề Giao thông
Vận tải Trung ương I

Cấp cho: HỒ GIA KHÁNH

Sinh ngày: 20/09/1987

Nguyên quán: Bể Trach, Quảng Bình

Nghề đào tạo: Thí nghiệm vật liệu KDDĐB

Từ ngày 1/09/06 đến ngày 1/03/08

Đạt trình độ thợ bậc 3/7

Tốt nghiệp hàng Trung bình

Theo quyết định số: 04/ĐT

Ngày 05 tháng 04 năm 2008

Hà Nội ngày 5 tháng 4 năm 2008

Hiệu trưởng



Đào Văn Đường

Vietnam Institute for Building
Science and Technology



It is hereby certified that:
Mr Ho Van Hong
Has successfully passed the Training Course on
**Testing Methods for Determining
the Physico-Mechanical Properties of
Concrete and Building Materials**

In March-April 2005

Ref. N^o. 168.1/2005/VKH -TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Hồ Văn Hồng**
Ngày sinh: 12/8/1960 - Quê quán: Quảng Trị
Cơ quan: Cty CP Tư vấn XD GT- Quảng Bình

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp xác định các tính chất cơ-lý
Bê tông và Vật liệu Xây dựng**

Thời gian tổ chức: Tháng 3-4 năm 2005

Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2005

Viện trưởng
VIỆN KHCN XÂY DỰNG

PGS., TS. Cao Duy Tiên

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. Ho Van Hong

Has successfully passed the Training Course on

**Field and Laboratory Testing Methods for
Determining the Physico-Mechanical
Properties of Soils**

In September 2007

Ref. N^o 2422/2007/MKH-TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Hồ Văn Hồng**

Ngày sinh: **12/8/1960** - Quê quán: **Quảng Trị**

Cơ quan: Công ty CP TV XD Giao thông Quảng Bình
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp xác định các tính chất cơ-lý
của đất trong phòng và hiện trường**

Thời gian tổ chức: Tháng 9 năm 2007

Tại: Viện KHCN Xây dựng

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2007

Viện trưởng
MIEN KHEN XÂY DỰNG

PGS., TS. Cao Duy Tiên

HƯỚNG DẪN CÁCH GHI HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

1. Ghi cụ thể tên doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, ví dụ: Công ty Xây dựng Nhà ở Hà Nội.
2. Ghi rõ tên nghề nghiệp (nếu có nhiều nghề nghiệp thì ghi nghề nghiệp chính), ví dụ: Kỹ sư.
3. Ghi rõ loại hợp đồng lao động, ví dụ 1: Không xác định thời hạn; ví dụ 2: 06 tháng.
4. Ghi cụ thể địa điểm chính, ví dụ: Số 2 - Đinh Lễ - Hà Nội; và địa điểm phụ (nếu có), ví dụ: Số 5 Tràng Thi - Hà Nội.
5. Ghi các công việc chính phải làm, ví dụ: Lắp đặt, kiểm tra, sửa chữa hệ thống điện; thiết bị thông gió; thiết bị lạnh....; trong doanh nghiệp.
6. Ghi cụ thể số giờ làm việc trong ngày hoặc trong tuần, ví dụ: 08 giờ/ngày hoặc 40 giờ/tuần.
7. Ghi rõ phương tiện đi lại do bên nào đảm nhiệm, ví dụ: xe đơn vị đưa đón hoặc cá nhân tự túc.
8. Ghi cụ thể tiền lương theo thang lương hoặc bảng lương mà đơn vị áp dụng, ví dụ: Thang lương A.1. Cơ khí, điện, điện tử - tin học; Nhóm III; Bậc 4/7; Hệ số 2,04; Mức lương tại thời điểm ký kết hợp đồng lao động là 428.400 đồng/tháng.
9. Ghi tên loại phụ cấp, hệ số, mức phụ cấp tại thời điểm ký kết hợp đồng lao động, ví dụ: Phụ cấp trách nhiệm Phó trưởng phòng; Hệ số 0,3. Mức phụ cấp 63.000 đồng/tháng.
10. Đối với người lao động thuộc đối tượng đóng BHXH bắt buộc thì ghi tỷ lệ % tiền lương hàng tháng hai bên phải trích nộp cho cơ quan BHXH, ví dụ: Hàng tháng người sử dụng lao động trích 6% từ tiền lương tháng của người lao động và số tiền trong giá thành tương ứng bằng 17% tiền lương tháng của người lao động để đóng 20% cho cơ quan BHXH và 3% cho cơ quan BHYT.

Đối với người lao động không đóng BHXH bắt buộc thì khoản tiền BHXH tính thêm vào tiền lương để người lao động tham gia bảo hiểm tự nguyện hoặc tự lo lấy bảo hiểm, ví dụ: Khoản tiền BHXH đã tính thêm vào tiền lương cho người lao động là 17% tiền lương tháng.

11. Ghi cụ thể trường hợp đơn vị cử đi đào tạo thì người lao động phải có nghĩa vụ gì và được hưởng quyền lợi gì, ví dụ: Trong thời gian đơn vị cử đi học người lao động phải hoàn thành khoa học đúng thời hạn, được hưởng nguyên lương và các quyền lợi khác như người đi làm việc, trừ tiền bồi dưỡng độc hại.

12. Ghi những quyền lợi mà chưa có trong Bộ luật Lao động, trong thỏa ước lao động tập thể hoặc đã có nhưng có lợi hơn cho người lao động, ví dụ: đi tham quan, du lịch, nghỉ mát, quà sinh nhật.

13. Ghi rõ mức bồi thường cho mỗi trường hợp vi phạm, ví dụ: Sau khi đào tạo mà không làm việc cho doanh nghiệp thì phải bồi thường 06 (sáu) triệu đồng; không làm việc đủ 02 năm thì bồi thường 03 (ba) triệu đồng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên đơn vị: Công ty xây dựng Giao thông
Số:

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

(Ban hành theo Thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22/9/2003
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Chúng tôi, một bên là Ông/Bà: T. T. NGOC QUYNH Quốc tịch: Miệt Nam;
Chức vụ: Giám đốc

Đại diện cho (1): Công ty GIÁO THÔNG GIAO THÔNG Địa điểm: Miệt Nam;
Địa chỉ: Hẻm 4 Hàng Bài - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội Quốc tịch: Việt Nam;
Và một bên là Ông/Bà: L. T. THUAN KIEN Quốc tịch: Việt Nam;

Sinh ngày 01 tháng 1 năm 1995 tại: T. T. Huyen - 1-3 T. Huyen - QL;
Nghề nghiệp (2): Kỹ thuật viên

Địa chỉ thường trú: T. T. Huyen - 1-3 T. Huyen - Quận Hoàn Kiếm;
Số CMTND: 1942-61112 Cấp ngày 11/6/02 tại: CH. Quận Bình;
Số số lao động (nếu có): Cấp ngày 11/6/02 tại:

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động (3): C. T. H. H.

- Từ ngày 15 tháng 10 năm 2008 đến ngày tháng năm

- Thứ việc từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

- Địa điểm làm việc (4): T. T. H. H. và Quận Hoàn Kiếm

- Chức danh chuyên môn: Thi nghiệm vật Chức vụ (nếu có):

- Công việc phải làm (5): Thao tác phân công của các bộ phận liên;
quản lý



- Người lao động phải thực hiện hết các quy định của Công ty. Nếu thực hiện không tốt công ty sẽ chấm dứt HĐLĐ trước thời hạn.

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động...
- Bồi thường vi phạm và vật chất (13): Theo quy định. Tiền lương... của Công ty. 1.5. 2.0.

Điều 2: Chế độ làm việc

Thời gian làm việc (6): Theo thỏa ước lao động tập thể.
 Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm:

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc (7): Tự túc, nhà ở công tác ca, xe, t. tìm xe.
- Mức lương chính hoặc tiền công (8): HS 2.34, lương tháng thực hiện theo quy chế khoán 87 của Công ty.
- Hình thức trả lương:
- Phụ cấp gồm (9):

- Được trả lương vào các ngày: hàng tháng

- Tiền thưởng:

- Chế độ năng lương: Theo quy định của nhà nước hiện hành.

- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Túi, theo Công việc.

- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...): Được nghỉ các ngày nghỉ lễ, không làm theo chế độ của nhà nước quy định.

- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế (10): Người tự đóng theo quy định của pháp luật. Người lao động đóng 6%.

- Chế độ đào tạo (11):

Những thỏa thuận khác (12): Người lao động không tự ý làm các công việc ngoài công việc chính của Công ty. Khi Công ty không chấp thuận.
 Người lao động phải đóng đủ số phần theo quy định của Công ty.

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc...)
- Tam hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5: Điều khoản thi hành

Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thỏa ước tập thể, trường hợp chưa có thỏa ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.

Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày... tháng... năm... Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Hợp đồng này làm tại... ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LAO ĐỘNG (Ký tên)

Ghi rõ họ và tên

Nguyễn Xuân Kiên



Trần Ngọc

...A.80/S6.47

HƯỚNG DẪN GHI VÀO BẢN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Nguyên tắc:

Không được ghi vào bản hợp đồng lao động mức thấp hơn qui định của Nhà nước; nếu hai bên thỏa thuận có lợi hơn cho người lao động thì ghi rõ thêm.

Cách ghi cụ thể:

- 1 - Ghi cụ thể tên cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức xã hội
- 2 - Nếu có số lao động, chỉ ghi số lao động.
- 3 - Ghi rõ loại hợp đồng lao động nào, hợp đồng lao động với thời hạn không xác định, hợp đồng lao động với thời hạn xác định, hoặc hợp đồng theo mùa vụ. Nếu là hợp đồng có thời hạn thì ghi cụ thể thời hạn bắt đầu và kết thúc.
- 4 - Ghi cụ thể số nhà, phố, phường (thôn, xã), quận (huyện, thị xã), tỉnh, thành phố thuộc tỉnh hoặc Trung ương
- 5 - Ghi cụ thể chức vụ giám đốc, phó giám đốc, trưởng, phó phòng, quản đốc, đốc công nhân viên, thợ, v.v., và công việc phải đảm nhiệm hoặc khối lượng chất lượng sản phẩm phải hoàn thành.
- 6 - Ghi cụ thể số giờ làm việc trong ngày, hoặc trong tuần, làm việc theo giờ hành chính, hoặc làm ca kíp
- 7 - Phương tiện đi làm việc ở, đơn vị đảm nhiệm hoặc đơn vị trả một khoản tiền để người lao động tự lo liệu.
- 8 - Ghi cụ thể mức trong tháng, nửa năm hoặc trả lương (tương đương, công nhật, lương sản phẩm, khoán...) hoặc mức tiền công.
- 9 - Ghi cụ thể tỷ lệ % các phụ cấp (nếu có) như: Khu vực, trợ cấp gia, độc hại, thu hút thêm, trách nhiệm v.v.
- 10 - Ghi cụ thể quyền lợi bảo hiểm xã hội và trợ cấp khác mà người lao động được hưởng. Ví dụ: Đối với người làm hợp đồng lao động theo một công việc nhất định, theo mùa vụ có thời hạn dưới 1 năm được hưởng ưu đãi bảo hiểm xã hội và trợ cấp khác bằng 30% tiền lương hàng tháng, đối với người làm hợp đồng với thời hạn không xác định, hoặc với thời hạn xác định từ 1 năm trở lên thì là được hưởng quyền lợi BHXH theo chế độ hiện hành của Nhà nước.
- 11 - Ghi cụ thể người lao động được hưởng quyền lợi nào, để nêu trong mục này
- 12 - Những thỏa thuận khác thường là những thỏa thuận khuyến khích và có lợi hơn cho người lao động như: Những vật dụng về tiền mau hỏng, khi hư hỏng, mất, không phải đền bù, thực hiện tốt hợp đồng được đi du lịch, nghỉ mát, tham quan không mất tiền, được hưởng lương tháng thứ 13, 14, được nghỉ phép thêm vài ngày đến một tuần, tai nạn, rủi ro ngoài giờ làm việc được trợ cấp thêm một khoản tiền, được tặng quà ngày sinh nhật, bố hoặc mẹ hết tuổi lao động thì con được tuyển vào đơn vị làm việc v.v. (nếu trong thỏa ước lao động tập thể chưa qui định)

Đoàn Tỵ Hồ Nội, 5, tháng 5, năm 1996

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

(Bản hành kèm theo QĐ 207/LĐ - TĐXH - QĐ ngày 2-4-1983 của Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và Xã hội)

Chung tôi, một bên là ông, bà: Nguyễn Quốc Đoàn
Chức vụ: Quản đốc CTY
Đại diện cho (1): Đoàn Tỵ Hồ Nội xây dựng quốc tế Công nhân
Địa chỉ: Hà thành Đình Hải - Quảng Bình Điện thoại: 822-458
và một bên là ông, bà: Trần Quang Trung
Sinh ngày: 10 tháng 5 năm 1969
Nghề nghiệp: Công nhân An ninh sát
Thương trú tại: Đông Sơn - Đình Hải - Quảng Bình

Mang CMND hoặc số lao động số (2):
Cấp ngày: tháng năm tai
Theo thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:
ĐIỀU 1: Ông, bà: Trần Quang Trung làm việc theo loại hợp đồng lao động (3): Cả thời hạn từ ngày 01 tháng 6 năm 1996 đến ngày tháng năm đến ngày tháng năm tại địa điểm (4): tháng năm đến ngày tháng năm

Chức vụ: va công việc phát lam (5)

ĐIỀU 2: Chế độ làm việc: Chéo thối về lao động tập thể
Thời giờ làm việc (6):

Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm:

- Được hưởng các chế độ ngừng việc, trợ cấp thôi việc, bồi thường theo qui định của Pháp luật lao động

ĐIỀU 4 : Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động :

1 - **Nghĩa vụ :** Thực hiện đầy đủ những điều kiện cần thiết đã cam kết trong hợp đồng lao động để người lao động làm việc đạt hiệu quả. Bảo đảm việc làm cho người lao động theo hợp đồng đã ký.

Thanh toán đầy đủ, dứt điểm các chế độ và quyền lợi của người lao động đã cam kết trong hợp đồng lao động.

2 - **Quyền hạn :** Có quyền điều chuyển tạm thời người lao động, tạm ngừng việc, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động và áp dụng các biện pháp kỷ luật theo qui định của Pháp luật lao động.

ĐIỀU 5 : Điều khoản chung :

1 - Những thỏa thuận khác (12) :

- Điều kiện an toàn và vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo qui định hiện hành của Nhà nước.

ĐIỀU 3 : Nghĩa vụ, quyền hạn và các quyền lợi người lao động được hưởng như sau :

1 - **Nghĩa vụ :** Trong công việc, chịu sự điều hành trực tiếp của ông, bà :
Nguyễn Quốc Tuấn... Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động. Chấp hành nghiêm túc nội qui, qui chế của đơn vị, kỷ luật lao động, an toàn lao động và các qui định trong thỏa ước lao động tập thể.

2 - **Quyền hạn :** Có quyền đề xuất, khiếu nại, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động theo qui định của Pháp luật lao động hiện hành.

3 - **Quyền lợi :**

- Phương tiện đi lại làm việc (7) :

- Mức lương chính hoặc tiền công (8) : *Lương trả theo chế độ An ninh nhân phẩm theo quy chế An ninh nhân phẩm của công ty.*

được trả lần vào các ngày và ngày hàng tháng

- Phụ cấp gồm (9) :

- Được trang bị bảo hộ lao động gồm :

Số ngày nghỉ hàng năm được hưởng lương (nghỉ lễ, phép, việc riêng) *12 ngày chưa kể*

ngày nghỉ và ngày đi đường.

- Bảo hiểm xã hội (10) : *Thực hiện các chế độ theo quy định của pháp luật.*

Quy định của nhà nước.

Được hưởng các phúc lợi :

Được các khoản thưởng, nâng lương, bồi dưỡng nghiệp vụ, thực hiện nhiệm vụ hợp tác khoa học, công nghệ với các đơn vị ở trong hoặc ngoài nước (11) : *Thực hiện các chế độ của nhà nước.*

đội tại CCMN.VN

Được hưởng các chế độ ngừng việc, trợ cấp thôi việc, bồi thường theo qui định của Pháp luật lao động

lao động

ĐIỀU 4 : Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động :

1 - **Nghĩa vụ :** Thực hiện đầy đủ những điều kiện cần thiết đã cam kết trong hợp đồng lao động để người lao động làm việc đạt hiệu quả. Bảo đảm việc làm cho người lao động theo hợp đồng đã ký.

Thanh toán đầy đủ, dứt điểm các chế độ và quyền lợi của người lao động đã cam kết trong hợp đồng lao động.

2 - **Quyền hạn :** Có quyền điều chuyển tạm thời người lao động, tạm ngừng việc, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động và áp dụng các biện pháp kỷ luật theo qui định của Pháp luật lao động.

ĐIỀU 5 : Điều khoản chung :

1 - Những thỏa thuận khác (12) :

2 - Hợp đồng lao động có hiệu lực từ ngày .. 01 .. tháng .. 6 .. năm 1996 ..

đến ngày .. tháng .. năm ..

ĐIỀU 6 : Hợp đồng lao động này làm thành (02) bản :

- 01 bản do người sử dụng lao động giữ.

- 01 bản do người sử dụng lao động giữ.

Làm tại : *Trụ sở công ty - Hải Phòng - Đình An - Quảng Bình.*

Người lao động

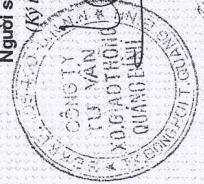
(Ký tên)

Nguyễn Quốc Tuấn

Người sử dụng lao động

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Quốc Tuấn



HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
HĐLĐ số: 01-2020/TVGT



Chúng tôi, một bên là ông: **Nguyễn Mạnh Thắng** - Quốc tịch: Việt Nam;
Chức vụ: Giám đốc công ty, Người sử dụng lao động;
Đại diện cho: Công ty Cổ phần Tư vấn XD Giao thông Quảng Bình;
Địa chỉ: 60 - Lê Thành Đồng, P. Hải thành, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình;
Điện thoại: 052 3827637.

Và một bên là ông: **Lưu Hồng Phong** - Quốc tịch: Việt Nam;
Sinh ngày 09 tháng 6 năm 1984.
Nghề nghiệp: Kỹ sư KT XD Công trình;
Địa chỉ thường trú: Lộc Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình;
Số CMND: _____ Cấp ngày _____ tại công an Quảng Bình;
Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1. Thời hạn và công việc hợp đồng.

- Loại hợp đồng lao động: thời hạn 05 năm;
- Từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 .
- Địa điểm làm việc: Tại trụ sở công ty CP TVXD Giao thông QB và những nơi khác theo yêu cầu của công việc.
- Chức danh chuyên môn: Nhân Viên phòng Thí nghiệm ĐCCT& VLXD.
- Công việc phải làm : Theo sự phân công điều hành của cán bộ trực tiếp quản lý .

Điều 2. Chế độ làm việc.

- Thời gian làm việc: Theo thỏa ước lao động tập thể, và quy chế công ty.

Điều 3. Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc: Tự túc, nếu đi công tác xa được thanh toán tàu xe và công tác phí theo chế độ quy định.
- Mức lương chính: Hệ số lương theo quy định của nhà nước công ty áp dụng, lương hưởng thực hiện theo quy chế khoán sản phẩm của công ty.
- Được nâng lương hàng năm theo quy định.
- Được trang bị bảo hộ lao động tùy theo công việc khi đảm nhận.
- Được nghỉ các ngày lễ và phép trong năm theo chế độ hiện hành của nhà nước quy định.
- Chế độ Bảo hiểm XH, y tế, BHTN:

+> người sử dụng lao động đóng 21,5%/ 32% lương cơ bản (17,5% BHXH, 3% BHYT, 1%BHTN)

+> Người lao động đóng 10,5%/ 32% lương cơ bản.(8%BHXH, 1,5% BHYT, 1% TN

*** Những thoả thuận khác:**

- Người lao động không tự ý làm các công việc ngoài cùng chức năng nhiệm vụ của công ty khi công ty không cho phép.
- Người lao động phải đóng đủ cổ phần 20 000 000đ theo quy định của công ty trước khi ký Hợp đồng lao động.
- Người lao động khi hợp đồng lao động phải nộp bằng gốc tốt nghiệp chuyên ngành cho phòng Tổ chức hành chính công ty.

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành tốt các công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành tốt nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động .
- Trong thời gian hợp đồng lao động nếu không thực hiện hoặc vi phạm vào các điều khoản đã ký trong hợp đồng thì công ty sẽ chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn.
- Khi người lao động vi phạm nội quy, quy chế và quy định tuyển dụng của công ty, đơn phương chấm dứt hợp đồng hoặc chuyển công tác trước thời hạn thì phải bồi thường, trích đóng các khoản công ty đã quy định và công ty không thanh toán các khoản lương còn lại.

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động.

2. Quyền hạn:

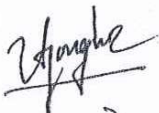
- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí điều chuyển, tạm ngừng việc)
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật và nội quy quy chế lao động của công ty.

Điều 5. Điều khoản thi hành.

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của pháp luật lao động và Quy chế hoạt động của công ty.
- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Hợp đồng này làm tại trụ sở Công ty cổ phần TVXD Giao thông Quảng Bình.

NGƯỜI LAO ĐỘNG
(Ký, ghi rõ họ tên)


Lưu Hồng Phong

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG


Nguyễn Mạnh Thắng

HƯỚNG DẪN CÁCH GHI HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

- Ghi cụ thể tên doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, ví dụ: Công ty Xây dựng Nhà ở Hà Nội.
- Ghi rõ tên nghề nghiệp (nếu có nhiều nghề nghiệp thì ghi nghề nghiệp chính), ví dụ: Kỹ sư.
- Ghi rõ loại hợp đồng lao động, ví dụ 1: Không xác định thời hạn; ví dụ 2: 06 tháng.
- Ghi cụ thể địa điểm chính, ví dụ: Số 2 - Đinh Lễ - Hà Nội; và địa điểm phụ (nếu có), ví dụ: Số 5 Tràng Thi - Hà Nội.
- Ghi các công việc chính phải làm, ví dụ: Lắp đặt, kiểm tra, sửa chữa hệ thống điện; thiết bị thông gió; thiết bị lạnh...; trong doanh nghiệp.
- Ghi cụ thể số giờ làm việc trong ngày hoặc trong tuần, ví dụ: 08 giờ/ngày hoặc 40 giờ/tuần.
- Ghi rõ phương tiện đi lại do bên nào đảm nhiệm, ví dụ: xe đơn vị đưa đón hoặc cá nhân tự túc.
- Ghi cụ thể tiền lương theo thang lương hoặc bảng lương mà đơn vị áp dụng, ví dụ: Thang lương A.1. Cơ khí, điện, điện tử - tin học; Nhóm III; Bậc 4/7; Hệ số 2.04; Mức lương tại thời điểm ký kết hợp đồng lao động là 428.400 đồng/tháng.
- Phụ cấp trách nhiệm Phó trưởng phòng; Hệ số 0,3; Mức phụ cấp 63.000 đồng/tháng.
- Đối với người lao động thuộc đối tượng đóng BHXH bắt buộc thì ghi tỷ lệ % tiền lương hàng tháng hai bên phải trích nộp cho cơ quan BHXH, ví dụ: Hàng tháng người sử dụng lao động trích 6% từ tiền lương tháng của người lao động và số tiền trong giá thành tương ứng bằng 17% tiền lương tháng của người lao động để đóng 20% cho cơ quan BHXH và 3% cho cơ quan BHYT.

Đối với người lao động không đóng BHXH bắt buộc thì khoản tiền BHXH tính thêm vào tiền lương để người lao động tham gia bảo hiểm tự nguyện hoặc tự lo lấy bảo hiểm, ví dụ: Khoản tiền BHXH đã tính thêm vào tiền lương cho người lao động là 17% tiền lương tháng.

11. Ghi cụ thể trường hợp đơn vị cử đi đào tạo thì người lao động phải có nghĩa vụ gì và được hưởng quyền lợi gì, ví dụ: Trong thời gian đơn vị cử đi học người lao động phải hoàn thành khóa học đúng thời hạn, được hưởng nguyên lương và các quyền lợi khác như người đi làm việc, trừ tiền bồi dưỡng độc hại.

12. Ghi những quyền lợi mà chưa có trong Bộ luật Lao động, trong thỏa ước lao động tập thể hoặc đã có nhưng có lợi hơn cho người lao động, ví dụ: đi tham quan, du lịch, nghỉ mát, quà sinh nhật.

13. Ghi rõ mức bồi thường cho mỗi trường hợp vi phạm, ví dụ: Sau khi đào tạo mà không làm việc cho doanh nghiệp thì phải bồi thường 06 (sáu) triệu đồng; không làm việc đủ 02 năm thì bồi thường 03 (ba) triệu đồng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên đơn vị: Công ty MTV XD giao thông

Số:



HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

(Ban hành theo Thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22/9/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Chúng tôi, một bên là Ông/Bà: TỰ N GOC QUÝ, Quốc tịch: Việt Nam.

Chức vụ: Giám đốc Công ty.

Đại diện cho (1): Công ty Cổ phần B giao thông B, Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: Hải Thành - Phường Hải - Quận Bình.

Và một bên là Ông/Bà: T. L. GIA KHANH, Quốc tịch: Việt Nam.

Sinh ngày 21 tháng 3 năm 1977 tại: Bình Thuận - Quảng Bình.

Nghề nghiệp (2): Công nhân Thi nghiệm.

Địa chỉ thường trú: Nhà Hải - Hải Thuận - Bình Thuận - Quảng Bình.

Số CMTND: 194.3.1.2.0, Cấp ngày 12/9/2005 tại: CA Quảng Bình.

Số số lao động (nếu có):, Cấp ngày: / / tại:

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

Loại hợp đồng lao động (3): Có thời hạn.

Từ ngày 10 tháng 3 năm 2008 đến ngày tháng năm.

Thử việc từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm.

Địa điểm làm việc (4): Tại Trụ sở Công ty v.v. Nguyễn Văn Trường.

Chức danh chuyên môn: Thủ quỹ kiêm Văn thư (nếu có).

Công việc phải làm (5): Theo yêu cầu phân công của Công bố trước tiếp.

Chữ ký:

- Người lao động phải chịu trách nhiệm tốt các nội quy, quy chế và quy định hiện hành của Công ty, nếu được miễn (không) tốt Công ty sẽ chấm dứt HĐLĐ trước thời hạn.

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động...
- Bồi thường vi phạm và vật chất (13):

Điều 2: Chế độ làm việc
 Thời gian làm việc (6): Theo thỏa ước lao động tập thể.
 Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm:

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động
1. Quyền lợi:
 - Phương tiện đi lại làm việc (7): Tự túc, Nếu đi Công tác xa được T. trả tiền xe.
 - Mức lương chính hoặc tiền công (8): Theo quy chế Nhân sự phẩm của Công ty.
 - Hình thức trả lương:

Phụ cấp gồm (9):

- Được trả lương vào các ngày

- Tiền thưởng:

- Chế độ năng lương: Theo quy định của nhà nước hiện hành.

- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Túi theo công việc.

- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần; phép năm, lễ tết...): 7.000 nghỉ cả ngày lễ trong năm theo chế độ hiện hành nhà nước quy định.

- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế (10): Người tự đóng lao động đóng 17%.
 Người lao động đóng 6%.

- Chế độ đào tạo (11):

Những thỏa thuận khác (12): Người lao động tự đóng học phí và lương các công việc mới, công nghệ mới, nâng cao kỹ năng của Công ty để công nhân được nâng cao tay nghề.

- Người lao động phải phải đóng đủ các khoản theo quy định của Công ty.

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc...)
- Tam hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5: Điều khoản thi hành

Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thỏa ước tập thể, trường hợp chưa có thỏa ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.

Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 10 năm 2018. Khi hết kỳ kết thúc hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Hợp đồng này làm tại Tây Sơn ngày 10 tháng 10 năm 2018



NGƯỜI LAO ĐỘNG
(Ký tên)

Ghi rõ họ và tên

[Signature]
 Lê Gia Khanh

Được hưởng các chế độ ngừng việc, trợ cấp thôi việc, bồi thường theo qui định của Pháp luật lao động.

ĐIỀU 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động:

1 - **Nghĩa vụ:** Thực hiện đầy đủ những điều kiện cần thiết đã cam kết trong hợp đồng lao động để người lao động làm việc đạt hiệu quả. Bảo đảm việc làm cho người lao động theo hợp đồng đã ký.

Thanh toán đầy đủ, dứt điểm các chế độ và quyền lợi của người lao động đã cam kết trong hợp đồng lao động.

2 - **Quyền hạn:** Có quyền điều chuyển tạm thời người lao động, tạm ngừng việc, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động và áp dụng các biện pháp kỷ luật theo qui định của Pháp luật lao động.

ĐIỀU 5: Điều khoản chung:

1 - Những thỏa thuận khác (1/2):

- *Người lao động phải tuân thủ 2m phòng từ 8h đến 10h và quy quy của cả Cty Ba.*
- *Khi công ty không tạo điều kiện làm việc thì người lao động phải nghỉ 1m.*
- *Mức lương theo quy định của Cty và không phụ thuộc vào chức vụ.*
- *Người LĐ phải làm việc 10h/ngày và quy quy của cả Cty Ba.*
- *Chức vụ của người lao động phải theo quy định của Cty và không phụ thuộc vào chức vụ.*
- *Quyền lợi của người lao động phải theo quy định của Cty và không phụ thuộc vào chức vụ.*

2 - Hợp đồng lao động có hiệu lực từ ngày 22 tháng 1 năm 2002 đến ngày tháng năm

ĐIỀU 6: Hợp đồng lao động này làm thành (02) bản

- 01 bản do người lao động giữ
- 01 bản do người sử dụng lao động giữ

Làm tại: *Đầu ngõ 11/11 Đường Xích Đằng Quận Đống Đa Hà Nội*

Người lao động

(Ký tên)
Nguyễn Văn Tiến
Ngày: 22/01/2002

Người sử dụng lao động

(Ký tên, đóng dấu)
[Signature]

Điều kiện an toàn và vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo qui định hiện hành của Nhà nước.

ĐIỀU 3: Nghĩa vụ, quyền hạn và các quyền lợi người lao động được hưởng như sau:

1. **Nghĩa vụ:** Trông công việc, chịu sự điều hành trực tiếp của ông, bà: *Nguyễn Văn Tiến* Giám đốc Công ty. Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động. Chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế của đơn vị, kỷ luật lao động, an toàn lao động và các qui định trong thỏa ước lao động tập thể.

2. **Quyền hạn:** Có quyền, đề xuất, khiếu nại, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động theo qui định của Pháp luật lao động hiện hành.

3. **Quyền lợi:**

- *Phương tiện đi lại làm việc (7): Đủ tiền, ăn, đi, công tác xa, đi, thanh toán, học, taxi, xe.*
- *Mức lương chính hoặc tiền công (8): Đủ tiền, lương, 5, 7, 10, 15.*
- *Lương, khoản, theo quy chế, khác, của Công ty.*

được trả tiền vào các ngày và ngày hàng tháng

Phụ cấp gồm (9):

- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: *theo quy định của nhà máy theo yêu cầu.*

Số ngày nghỉ hàng năm được hưởng lương (nghỉ lễ, phép, việc riêng): *theo quy định của nhà máy.*

Bảo hiểm xã hội (10): *Người sử dụng lao động nộp 15%, người lao động nộp 5%.*

Được hưởng các phúc lợi:

Được các khoản thưởng, năng lương, bồi dưỡng nghiệp vụ, thực hiện nhiệm vụ hợp tác khoa học, công nghệ với các đơn vị ở trong hoặc ngoài nước (11): *Đủ tiền, thưởng, học, hàng năm, theo quy định của nhà máy.*

SỔ THEO DÕI QUẢN LÝ THIẾT BỊ
Năm: 2026

STT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Xuất xứ	Ngày hiệu chuẩn	Chu kỳ hiệu chuẩn (Tháng)	Ghi chú
THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG XI MĂNG							
1	Côn thử độ sụt bê tông	1	bộ	VN	12/2025	12	
2	Khuôn BT lập phương 150mm, kép 3, bằng thép	6	bộ	VN	12/2025	12	
3	Máy trộn bê tông	1	ch	TQ	12/2025	12	
4	Thiết bị tráng đầu mẫu bê tông(Caping)	1	bộ	VN	12/2025	12	
5	Khuôn bê tông lập phương 200mm, bằng gang	6	ch	TQ	12/2025	12	
6	Khuôn bê tông lập phương 150mm, bằng gang	25	ch	VN	12/2025	12	
7	Khuôn bê tông lập phương 100mm, bằng gang	12	ch	VN	12/2025	12	
8	Khuôn bê tông trụ D150 x 300, bằng thép	27	ch	VN	12/2025	12	
9	Máy nén 2000kN	1	ch	TQ	12/2025	12	
10	Máy nén 600kN	1	ch	TQ	12/2025	12	
THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM XI MĂNG VỮA, GẠCH XÂY							
11	Máy dẫn vữa xi măng	1	ch	TQ	12/2025	12	
12	Dụng cụ VICA thí nghiệm xi măng	1	bộ	VN	12/2025	12	
13	Tủ dưỡng hộ	1	ch	TQ	12/2025	12	
14	Bàn dẫn vữa xi măng	1	ch	TQ	12/2025	12	
15	Bộ gá nén mẫu xi măng 40x40mm	1	bộ	TQ	12/2025	12	
16	Bộ gá uốn mẫu xi măng 40x40x160mm	1	bộ	TQ	12/2025	12	
17	Khuôn 40x40x160 kép	3	bộ	TQ	12/2025	12	
18	Khuôn Le Chatelier	6	ch	TQ	12/2025	12	
19	Bình tỷ trọng xi măng có bầu 250ml	6	ch	TQ	12/2025	12	
20	Phiếu xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa xi măng	1	bộ	VN	12/2025	12	
THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU (CÁT-ĐÁ-SỎ)							
21	Máy thử độ mài mòn Los Angeles	1	Bộ	VN	12/2025	12	
22	Bộ chia mẫu	2	ch	VN	12/2025	12	
23	Phiếu xác định độ xốp của đá, kèm thùng đong	2	ch	VN	12/2025	12	
24	Phiếu xác định độ xốp của cát, kèm thùng đong	1	ch	VN	12/2025	12	
25	Thùng dung trọng 1 lít(Hộc đong)	1	ch	VN	12/2025	12	
26	Thùng dung trọng 2 lít(Hộc đong)	1	ch	VN	12/2025	12	
27	Thùng dung trọng 5 lít(Hộc đong)	1	ch	VN	12/2025	12	
28	Thùng dung trọng 10 lít(Hộc đong)	1	ch	VN	12/2025	12	
29	Thùng dung trọng 20 lít(Hộc đong)	1	ch	VN	12/2025	12	

SỔ THEO DÕI QUẢN LÝ THIẾT BỊ

Năm: 2026

30	Bảng màu chuẩn	5	ch	VN	12/2025	12	
31	Bộ kim sắt xác định độ phong hoá của đá	4	bộ	VN	12/2025	12	
32	Tỷ trọng kế	2	ch	TQ	12/2025	12	
THÍ NGHIỆM ĐẤT TRONG PHÒNG							
33	Máy nén CBR/MARSHALL 50KN trong phòng	2	ch	TQ	12/2025	12	
34	Khuôn CBR	8	bộ	TQ	12/2025	12	
35	Cung lực 50KN - Dial 0,01mm.	1	ch	TQ	12/2025	12	
36	Bộ Thiết bị thí nghiệm giới hạn dẻo	1	bộ	TQ	12/2025	12	
37	Bộ thiết bị thí nghiệm giới hạn chảy casagrande	1	ch	TQ	12/2025	12	
38	Chùy Vaxiliep	1	bộ	TQ	12/2025	12	
39	Cối Proctor tiêu chuẩn	4	bộ	TQ	12/2025	12	
40	Cối Proctor cải tiến	5	bộ	TQ	12/2025	12	
41	Máy cắt đất hai tốc độ	2	bộ	TQ	12/2025	12	
42			bộ	TQ	12/2025	12	
43	Máy nén tam liên	2	bộ	TQ	12/2025	12	
THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG							
44	Súng bật nảy kiểm tra cường độ bê tông xi măng	1	ch	TQ	12/2025	12	
45	Bộ đo E bằng tấm ép tĩnh	1	bộ	VN	12/2025	12	
46	Bộ cân Benkenman	1	bộ	Italy	12/2025	12	
47	Kích thủy lực 30 tấn	2	ch	TQ	12/2025	12	
48	Kích thủy lực 15 tấn	3	ch	TQ	12/2025	12	
49	Bộ dao vòng thí nghiệm độ chặt hiện trường	2	bộ	VN	12/2025	12	
50	Bộ phễu rót cát thí nghiệm độ chặt hiện trường	4	bộ	VN	12/2025	12	
51	Thước 3m với thước đo độ võng	1	bộ	TQ	12/2025	12	
52	Bộ xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát	1	bộ	VN	12/2025	12	
53	Máy khoan bê tông nhựa, BTXM	2	ch	TQ	12/2025	12	
54	Máy cắt mẫu	2	ch	TQ	12/2025	12	
THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM NHỰA							
55	Thiết bị giãn dài nhựa	1	ch	VN	12/2025	12	
56	Khuôn mẫu chuẩn hình số 8 bằng đồng	3	ch	VN	12/2025	12	
57	Đế khuôn đúc mẫu giãn dài nhựa	1	ch	TQ	12/2025	12	
58	Thiết bị kim lún nhựa	1	bộ	TQ	12/2025	12	
59	Thiết bị tổn thất khi nung	1	bộ	VN	12/2025	12	
60	Thiết bị hoá mềm nhựa	1	bộ	VN	12/2025	12	
61	Thiết bị thí nghiệm bốc cháy nhựa	1	bộ	VN	12/2025	12	
THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA							
62	Máy đầm marshall tự động	1	ch	TQ	12/2025	12	

SỔ THEO DÕI QUẢN LÝ THIẾT BỊ
Năm: 2026

63	Máy đầm marshall thủ công	1	ch	TQ	12/2025	12	
64	Máy ly tâm tách nhựa	3	ch	TQ	12/2025	12	
65	Giấy lọc cho ly tâm 3000g, D330	1	hộp	VN	12/2025	12	
66	Bộ đầm mẫu marshall bằng tay	1	bộ	VN	12/2025	12	
67	Bể ổn nhiệt marshall.	1	ch	TQ	12/2025	12	
68	Máy nén marshall	2	ch	TQ	12/2025	12	
69	Nhiệt kế chi thị tương tự	2	ch	VN	6/2023	12	
THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM DÙNG CHUNG							
70	Tủ sấy	2	ch	TQ	12/2025	12	
71	Cân bàn	1	ch	TQ	12/2025	12	
72	Đồng hồ so	5	ch	TQ	12/2025	12	
73	Sàng D200mm, 0,075 mm	4	ch	TQ	12/2025	12	
74	Sàng D200mm, 0,015 mm	4	ch	TQ	12/2025	12	
75	Sàng D200mm, 0,3 mm	4	ch	TQ	12/2025	12	
76	Sàng D200mm, 0,6 mm	4	ch	TQ	12/2025	12	
77	Sàng D200mm, 1,18 mm	4	ch	TQ	12/2025	12	
78	Sàng D200mm, 2.36mm	4	ch	TQ	12/2025	12	
79	Sàng D200mm, 4.75mm	4	ch	TQ	12/2025	12	
80	Sàng D200mm, 9.5mm	4	ch	TQ	12/2025	12	
81	Sàng D200mm, 12.5mm	4	ch	TQ	12/2025	12	
82	Sàng D200mm, 19mm	4	ch	TQ	12/2025	12	
83	Sàng D200mm, 25mm	4	ch	TQ	12/2025	12	
84	Sàng D200mm, 37.5mm	4	ch	TQ	12/2025	12	
85	Sàng D200mm, 50 mm	4	ch	TQ	12/2025	12	
86	Sàng D200mm, 10 mm	4	ch	TQ	12/2025	12	
87	Sàng D200mm, 40 mm	4	ch	TQ	12/2025	12	
88	Sàng D200mm, 20 mm	4	ch	TQ	12/2025	12	
89	Sàng D200mm, 70 mm	4	ch	TQ	12/2025	12	
90	Sàng D200mm, 1.7 mm	2	ch	TQ	12/2025	12	
91	Sàng D200mm, 4.25 mm	2	ch	TQ	12/2025	12	
92	Sàng D200mm, 31.5 mm	2	ch	TQ	12/2025	12	
93	Sàng D200mm, 5 mm	2	ch	TQ	12/2025	12	
94	Sàng D200mm, 1.25mm	2	ch	TQ	12/2025	12	
95	Sàng D200mm, 2.5mm	2	ch	TQ	12/2025	12	
96	Sàng D200mm, 1mm	2	ch	TQ	12/2025	12	
97	Cân điện tử 30kg \pm 0.5g	1	ch	Nhật	12/2025	12	
98	Cân điện tử 15kg \pm 0.5g	2	ch	TQ	12/2025	12	

SỔ THEO DÕI QUẢN LÝ THIẾT BỊ

Năm: 2026

99	Cân điện tử 6kg \pm 0.1g	1	ch	Nhật	12/2025	12	
100	Cân điện tử 3000g \pm 0.1g	1	ch	Nhật	12/2025	12	
101	Cân cơ 310g	2	ch	TQ	12/2025	12	
102	Cân cơ 5000g	2	ch	TQ	12/2025	12	
103	Bát sứ D80mm	2	ch	TQ	12/2025	12	
104	Bình tam giác các loại	15	ch	TQ	12/2025	12	
105	Ống đong thủy tinh các loại	15	ch	TQ	12/2025	12	
106	Hộp nhôm các loại	20	ch	TQ	12/2025	12	
107	Khay nhôm các loại	15	ch	TQ	12/2025	12	
108	Khay to các loại	15	ch	TQ	12/2025	12	
109	Bình hút chân không D240mm, thủy tinh	2	ch	TQ	12/2025	12	
110	Ống hút thủy tinh	4	ch	TQ	12/2025	12	
111	Đồng hồ bấm giây	1	ch	TQ	12/2025	12	
112	Nhiệt kế thủy tinh 300oC, 200oC, 100oC	3	ch	TQ	12/2025	12	
113	Thước kẻ các loại	3	ch	TQ	12/2025	12	
114	Thước mét	2	ch	TQ	12/2025	12	
115	Bàn cân thủy tinh tiêu chuẩn	1	ch	VN	12/2025	12	
116	Khay đựng mẫu các loại	1	ch	VN	12/2025	12	
117	Máy hút chân không	1	ch	VN	12/2025	12	
118	Rọ cân thủy tinh 200x200	1	ch	VN	12/2025	12	
119	Nhiều phụ kiện như chậu, dao, dao bay,...	1	ch	VN	12/2025	12	

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG (ĐK72)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ (Add): 23 Phan Huy Chú, Phường Đồng Hới,
Tỉnh Quảng Trị

Điện thoại (Tel): 0919.620.138

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N^o): 25B02723 /KĐ

Tên đối tượng:

CÂN ĐĨA

Object:

Kiểu: ALC-15A

Số: 58821051090

Type:

Serial No:

Nơi sản xuất: Đà Loan

Năm: -

Manufacture:

Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Cấp chính xác: 3

Specifications:

Max = 15 kg d = 0,5 g

Min = 10 g e = 0,5 g

Nơi sử dụng:

Phòng thí nghiệm LAS - XD169

Place:

Người/Đơn vị sử dụng:

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình

User:

Phương pháp kiểm định:

ĐLVN 15 : 2009

Method of verification :

Kết luận:

Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Conclusion:

Số tem kiểm định:

25B02723

Verification stamp N^o :

Thời hạn đến (*):

Ngày 06 tháng 12 năm 2026

Valid until:

Quảng Trị, ngày 08 tháng 12 năm 2025

Date of issue

Kiểm định viên

Verified by

Đặng Ngọc Lâm

P. GIÁM ĐỐC

Director



Lưu Minh Tuấn

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản

(With respectfulness of reles of use and maintenance)

Trước lúc hết hạn 15 ngày cơ sở liên hệ với Trung tâm KTTCDLCL để kiểm định lại. Điện thoại: 0919.620.138

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG (ĐK72)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ (Add): 23 Phan Huy Chú, Phường Đồng Hới,
Tỉnh Quảng Trị

Điện thoại (Tel): 0919.620.138

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N^o): 25B02724 /KĐ

Tên đối tượng: **CÂN KỸ THUẬT**

Object:

Kiểu: DJ-6000TW

Số: 023244123

Type:

Serial No:

Nơi sản xuất: Nhật Bản

Năm: -

Manufacture:

Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Cấp chính xác: 2

Specifications:

Max = 6.000 g d = 0,01 g

Min = 0,2 g e = 0,01 g

Nơi sử dụng: Phòng thí nghiệm LAS - XD169

Place:

Người/Đơn vị sử dụng: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình

User:

Phương pháp kiểm định: ĐLVN 16 : 2021

Method of verification :

Kết luận: **Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường**

Conclusion:

Số tem kiểm định: 25B02724

Verification stamp N^o :

Thời hạn đến (*): Ngày 06 tháng 12 năm 2026

Valid until:

Quảng Trị, ngày 08 tháng 12 năm 2025

Date of issue

Kiểm định viên

Verified by

Đặng Ngọc Lâm

P. GIÁM ĐỐC

Director



Lưu Minh Tuấn

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản

(With respectfulness of reles of use and maintenance)

Trước lúc hết hạn 15 ngày cơ sở liên hệ với Trung tâm KTTCDLCL để kiểm định lại. Điện thoại: 0919.620.138



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: 23 Phan Huy Chú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị
Điện thoại: 0919.620.138 - Email: kiemdinhdoluongqb@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM

MEASUREMENT & TESTING CERTIFICATE

Số (N^o): 25D 00610 /TN

Tên đối tượng (Object): **MÁY LY TÂM TÁCH NHỰA**

Kiểu (Type): HCT-1 Số (Serial No): 02

Nơi sản xuất (Manufacture): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications):

* Tốc độ quay tối đa: 3600 v/ph

* Chiều dày giấy lọc mẫu: $(1,3 \pm 0,1)$ mm

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình

Nơi sử dụng (Place): Phòng thí nghiệm LAS - XD169

Phương pháp đo thử (Method of measuring and testing): Cân, đo trực tiếp trên thiết bị

Kết quả đo thử (Measuring and Testing Results): Xem kết quả trang sau

Tem số (Stamp N^o): 25D 00610

Ngày thực hiện (Date of measuring and testing): 06/12/2025

Hiệu lực đến (Valid Until): 06/12/2026

Quảng Trị, ngày 08 tháng 12 năm 2025

Date of issue

Người thực hiện

Tester by

Hoàng Hoài Nam

P. GIÁM ĐỐC

Director



Lưu Minh Tuấn

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)

f

KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM*(Measurement & Testing Results)*

TT	Nội dung đo, thử	Giá trị đo, thử	Sai số cho phép	Kết luận
1	Tốc độ quay	3600 v/p	≤ 3600 v/p	Đạt
2	Chiều dày giấy lọc mẫu	1,2 mm	$(1,3 \pm 0,1)$ mm	Đạt
3	Trọng lượng mẫu	3000 g	≤ 3000 g	Đạt

Ghi chú: Sai số cho phép lấy theo Tiêu chuẩn TCVN 8860 -2 : 2011



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: 23 Phan Huy Chú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị
Điện thoại: 0919.620.138 - Email: kiemdinhdoluongqb@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM
MEASUREMENT & TESTING CERTIFICATE

Số (N^o): 25D 00612 /TN

Tên đối tượng (Object): THIẾT BỊ ĐO ĐỘ GIẢN DÀI NHỰA ĐƯỜNG

Kiểu (Type): SY - 1.5 Số (Serial No): 12

Nơi sản xuất (Manufacture): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications):

* Tốc độ kéo tiêu chuẩn: 50mm/phút \pm 5%

* Chiều dài kéo max: 1500 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình

Nơi sử dụng (Place): Phòng thí nghiệm LAS - XD169

Phương pháp đo thử (Method of measuring and testing): Đo trực tiếp trên thiết bị

Kết quả đo thử (Measuring and Testing Results): Xem kết quả trang sau

Tem số (Stamp N^o): 25D 00612

Ngày thực hiện (Date of measuring and testing): 06/12/2025

Hiệu lực đến (Valid Until): 06/12/2026

Quảng Trị, ngày 08 tháng 12 năm 2025

Date of issue

Người thực hiện

Tester by

Hoàng Hoài Nam

P. GIÁM ĐỐC

Director



Lưu Minh Tuấn

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của
Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)

f

KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM
(Measurement & Testing Results)

TT	Nội dung đo, thử	Giá trị đo, thử	Sai số cho phép	Kết luận
1	Tốc độ kéo	50,8 mm/p	(50mm/p \pm 5%)	Đạt
2	Khoảng cách giữa hai tâm	112,5 mm	(111,5 \div 113,5) mm	Đạt
3	Khoảng cách giữa các kẹp	29,9 mm	(29,7 \div 30,3) mm	Đạt
4	Độ rộng tại phần nhỏ nhất	10,01 mm	(9,9 \div 10,1) mm	Đạt
5	Độ rộng tại miệng kẹp	19,9 mm	(19,8 \div 20,2) mm	Đạt
6	Kích thước lỗ	6,6 mm	(6,5 \div 6,7) mm	Đạt
7	Chiều dày khuôn	10,05 mm	(9,9 \div 10,1) mm	Đạt

Ghi chú: Sai số cho phép theo Tiêu chuẩn TCVN 7496 : 2005



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: 23 Phan Huy Chú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị
Điện thoại: 0919.620.138 - Email: kiemdinhdoluongqb@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM

MEASUREMENT & TESTING CERTIFICATE

Số (N^o): 25D 00611 /TN

Tên đối tượng (Object): THIẾT BỊ ĐO ĐỘ KIM LÚN NHỰA ĐƯỜNG

Kiểu (Type): PM 94 Số (Serial No): -

Nơi sản xuất (Manufacture): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications):

- * Khối lượng chốt kẹp kim: $(47,5 \pm 0,05)$ g
- * Đường kính kim xuyên: $(1,00 \div 1,02)$ mm
- * Đường kính đầu nhọn kim: $(0,14 \div 0,16)$ mm

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình

Nơi sử dụng (Place): Phòng thí nghiệm LAS - XD169

Phương pháp đo thử (Method of measuring and testing): Cân, đo trực tiếp trên thiết bị

Kết quả đo thử (Measuring and Testing Results): Xem kết quả trang sau

Tem số (Stamp N^o): 25D 00611

Ngày thực hiện (Date of measuring and testing): 06/12/2025

Hiệu lực đến (Valid Until): 06/12/2026

Quảng Trị, ngày 08 tháng 12 năm 2025

Date of issue

Người thực hiện

Tester by

Hoàng Hoài Nam

P. GIÁM ĐỐC

Director



Lưu Minh Tuấn

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)

f

KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM
(Measurement & Testing Results)

TT	Nội dung đo, thử	Giá trị đo, thử	Sai số cho phép	Kết luận
1	Thiết bị xuyên kim			
	- Khối lượng chốt kẹp kim	47,01 g	$(47 \pm 0,05)$ g	Đạt
	- Tổng khối lượng kim và chốt kẹp	50,01 g	$(50 \pm 0,05)$ g	Đạt
2	Kim xuyên			
	- Đường kính kim	1,01 mm	$(1,00 \pm 1,02)$ mm	Đạt
	- Đường kính đầu nhọn kim	0,15 mm	$(0,14 \pm 0,16)$ mm	Đạt
	- Đường kính vòng đai kim	3,21 mm	$(3,20 \pm 0,05)$ mm	Đạt
	- Khối lượng vòng đai kim	2,52 g	$(2,5 \pm 0,05)$ g	Đạt

Ghi chú: Sai số cho phép lấy theo Tiêu chuẩn TCVN 7495 : 2005



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: 23 Phan Huy Chú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị
Điện thoại: 0919.620.138 - Email: kiemdinhdoluongqb@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM

MEASUREMENT & TESTING CERTIFICATE

Số (N^o): 25D 00618 /TN

Tên đối tượng (Object): **CÀN BENKELMAL**

Kiểu (Type): ELE TL:2:1 Số (Serial No): 0005

Nơi sản xuất (Manufacture): Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):

* Tỷ lệ: 2:1

* Phạm vi đo: (0 ÷ 10) mm, giá trị vạch chia : 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình

Nơi sử dụng (Place): Phòng thí nghiệm LAS - XD169

Phương pháp đo thử (Method of measuring and testing):

So sánh trực tiếp trên bộ căn mẫu chuẩn CT-KH 09

Kết quả đo thử (Measuring and Testing Results): Xem kết quả trang sau

Tem số (Stamp N^o): 25D 00618

Ngày thực hiện (Date of measuring and testing): 06/12/2025

Hiệu lực đến (Valid Until): 06/12/2026

Quảng Trị, ngày 08 tháng 12 năm 2025

Date of issue

P. GIÁM ĐỐC

Director

Người thực hiện

Tester by

Hoàng Hoài Nam



Lưu Minh Tuấn

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)

KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM
(*Measurement & Testing Results*)

TT	Giá trị ghi trên chuẩn (mm)	Giá trị đọc trên thiên phân kế (mm)	Số hiệu chính (mm)
1	1,00	0,99	0,01
2	2,00	1,98	0,02
3	3,00	2,98	0,02
4	4,00	3,97	0,03
5	5,00	4,99	0,01
6	6,00	5,98	0,02
7	7,00	6,97	0,03
8	8,00	7,96	0,04
9	9,00	8,98	0,02
10	10,00	9,96	0,04

* Tỷ lệ 1:2

* Độ lặp lại: 0,01 mm

* Độ hồi sai : 0,02 mm

* Độ không đảm bảo đo $U = 0,03$ mm với độ tin cậy $P = 95\%$, $k = 2$

* Tính đầy đủ: Đạt

* Kiểm tra vận hành: Đạt



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: 23 Phan Huy Chú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị

ĐK 72 - VLAC 1.1224

Điện thoại: 0919.620.138 - Email: kiemdinhdoluongqb@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (N^o): 25H 02459 /HC

Tên đối tượng (Object): NHIỆT KẾ CHỈ THỊ TƯƠNG TỰ
Kiểu (Type): - Số (Serial No): -
Nơi sản xuất (Manufacture): Hàn Quốc
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications):
Phạm vi đo: (0 ÷ 250) °C Giá trị độ chia: 2,5 °C
Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình
Nơi sử dụng (Place): Phòng thí nghiệm LAS - XD169
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 138 : 2004
Chuẩn được sử dụng (Standards used):
- Thiết bị điều nhiệt Calisto Pus 2250/No:30106/ Isotech - Anh
Độ ổn định: 0,03 °C Độ đồng đều: 0,03 °C/0,06 °C
- Nhiệt kế chỉ thị hiện số /No:30106/2/Isotech - Anh; Độ kđbĐ: U = 0,11 °C/0,13 °C
Kết quả (Results): Xem kết quả trang 2
Tem hiệu chuẩn số (Calibration label): 25H 02459
Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 06/12/2026

Quảng Trị, ngày 08 tháng 12 năm 2025

Date of issue

Trưởng phòng Hiệu chuẩn
Head of Calibration Lab

P. GIÁM ĐỐC

Director

Phan Thanh Hà

Lưu Minh Tuấn

Trang: Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản
(Page) của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
1/2
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Số chỉ TB NK (°C)	Số chỉ TB chuẩn (°C)	Số hiệu chỉnh(*) (°C)	ĐKĐBĐ mở rộng U (°C)
1	50	50,03	0,03	1,99
2	81	80,11	-0,89	
3	122	120,20	-1,80	
4	163	160,20	-2,80	
5	182	180,70	-1,30	2,77
6	198	200,60	2,60	

Ghi chú: * Số hiệu chỉnh = Số chỉ trung bình chuẩn - Số chỉ trung bình nhiệt kế

* Độ không đảm bảo đo của kết quả hiệu chuẩn, khi áp dụng số hiệu chỉnh theo bảng trên ứng với mức độ tin cậy $p = 95\%$; hệ số phủ $k = 2$

* Điều kiện môi trường (*Environmental conditions*):

- Nhiệt độ (*Temperature*): 27 °C

- Độ ẩm (*Humidity*): 65 %

+ Địa điểm hiệu chuẩn (*place the calibration*):

Phòng thí nghiệm LAS - XD169

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình

Người thực hiện

Calibrated by

Đặng Ngọc Lâm



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

ĐK 72 - VLAC 1.1224

Địa chỉ: 23 Phan Huy Chú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị
Điện thoại: 0919.620.138 - Email: kiemdinhdoluongqb@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (N^o): 25H 02460 /HC

Tên đối tượng (Object): ĐỒNG HỒ SO (THIÊN PHÂN KẾ)

Kiểu (Type): Cơ khí Số (Serial No): 628652

Nơi sản xuất (Manufacture): Nhật Bản

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications):

Phạm vi đo : (0 ÷ 10) mm

Giá trị độ chia : 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình

Nơi sử dụng (Place): Phòng thí nghiệm LAS - XD169

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75 : 2001

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ căn mẫu chuẩn CT-KH 09

Thiết bị chuẩn Mitutoyo - Nhật Bản; giá trị độ chia: 0,001 mm

Kết quả (Results): Xem kết quả trang 2

Tem hiệu chuẩn số (Calibration label): 25H 02460

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 06/12/2026

Quảng Trị, ngày 08 tháng 12 năm 2025

Date of issue

Trưởng phòng Hiệu chuẩn

Head of Calibration Lab

Phan Thanh Hà

P. GIÁM ĐỐC

Director



Lưu Minh Tuấn

Trang:
(Page)
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Giá trị ghi trên chuẩn (mm)	Giá trị đọc trên đồng hồ so (mm)	Số hiệu chính (mm)	Ghi chú
1	1,00	1,00	0,00	
2	2,00	2,00	0,00	
3	3,00	3,01	-0,01	
4	4,00	4,01	-0,01	
5	5,00	5,01	-0,01	
6	6,00	6,02	-0,02	
7	7,00	7,02	-0,02	
8	8,00	8,02	-0,02	

* Độ lặp lại : $\pm 3 \mu\text{m}$

* Độ hồi sai : $\pm 4 \mu\text{m}$

* Độ không đảm bảo đo $U = 2 \mu\text{m}$ với độ tin cậy 95 %, $k = 2$

- Điều kiện môi trường (Environmental conditions)

Nhiệt độ (Temperature) : $(28 \pm 2) ^\circ\text{C}$

Độ ẩm (Humidity) : $(65 \pm 2) \% \text{RH}$

+ Địa điểm hiệu chuẩn (place the calibration):

Phòng thí nghiệm LAS - XD169

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình

Người thực hiện

Calibrated by



Đặng Ngọc Lâm



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

ĐK 72 - VLAC 1.1224

Địa chỉ: 23 Phan Huy Chú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị
Điện thoại: 0919.620.138 - Email: kiemdinhdoluongqb@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (N^o): 25H 02461 /HC

Tên đối tượng (Object): ĐỒNG HỒ SO (THIÊN PHÂN KẾ)

Kiểu (Type): Cơ khí Số (Serial No): 649269

Nơi sản xuất (Manufacture): Nhật Bản

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications):

Phạm vi đo : (0 ÷ 10) mm

Giá trị độ chia : 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình

Nơi sử dụng (Place): Phòng thí nghiệm LAS - XD169

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75 : 2001

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ căn mẫu chuẩn CT-KH 09

Thiết bị chuẩn Mitutoyo - Nhật Bản; giá trị độ chia: 0,001 mm

Kết quả (Results): Xem kết quả trang 2

Tem hiệu chuẩn số (Calibration label): 25H 02461

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 06/12/2026

Quảng Trị, ngày 08 tháng 12 năm 2025

Date of issue

Trưởng phòng Hiệu chuẩn

Head of Calibration Lab

Phan Thanh Hà

P. GIÁM ĐỐC

Director



Lưu Minh Tuấn

Trang:
(Page)
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Giá trị ghi trên chuẩn (mm)	Giá trị đọc trên đồng hồ so (mm)	Số hiệu chính (mm)	Ghi chú
1	1,00	1,00	0,00	
2	2,00	2,00	0,00	
3	3,00	3,01	-0,01	
4	4,00	4,01	-0,01	
5	5,00	5,01	-0,01	
6	6,00	6,02	-0,02	
7	7,00	7,02	-0,02	
8	8,00	8,02	-0,02	

* Độ lặp lại : $\pm 3 \mu\text{m}$

* Độ hồi sai : $\pm 4 \mu\text{m}$

* Độ không đảm bảo đo $U = 2 \mu\text{m}$ với độ tin cậy 95 %, $k = 2$

- Điều kiện môi trường (*Environmental conditions*)

Nhiệt độ (*Temperature*) : $(28 \pm 2) ^\circ\text{C}$

Độ ẩm (*Humidity*) : $(65 \pm 2) \% \text{RH}$

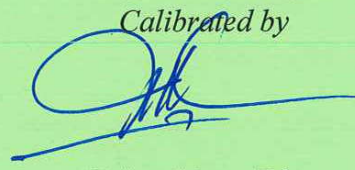
+ Địa điểm hiệu chuẩn (*place the calibration*):

Phòng thí nghiệm LAS - XD169

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình

Người thực hiện

Calibrated by



Đặng Ngọc Lâm



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: 23 Phan Huy Chú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị

ĐK 72 - VLAC 1.1224

Điện thoại: 0919.620.138 - Email: kiemdinhdoluongqb@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (N^o): 25H 02462 /HC

Tên đối tượng (Object): ĐỒNG HỒ SO (THIÊN PHÂN KẾ)

Kiểu (Type): Cơ khí Số (Serial No): -

Nơi sản xuất (Manufacture): Nhật Bản

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications):

Phạm vi đo : (0 ÷ 10) mm

Giá trị độ chia : 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình

Nơi sử dụng (Place): Phòng thí nghiệm LAS - XD169

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75 : 2001

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ căn mẫu chuẩn CT-KH 09

Thiết bị chuẩn Mitutoyo - Nhật Bản; giá trị độ chia: 0,001 mm

Kết quả (Results): Xem kết quả trang 2

Tem hiệu chuẩn số (Calibration label): 25H 02462

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 06/12/2026

Quảng Trị, ngày 08 tháng 12 năm 2025

Date of issue

Trưởng phòng Hiệu chuẩn

Head of Calibration Lab

Phan Thanh Hà

P. GIÁM ĐỐC

Director



Lưu Minh Tuấn

Trang:
(Page)
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Giá trị ghi trên chuẩn (mm)	Giá trị đọc trên đồng hồ so (mm)	Số hiệu chính (mm)	Ghi chú
1	1,00	1,00	0,00	
2	2,00	2,00	0,00	
3	3,00	3,01	-0,01	
4	4,00	4,01	-0,01	
5	5,00	5,01	-0,01	
6	6,00	6,01	-0,01	
7	7,00	7,02	-0,02	
8	8,00	8,02	-0,02	

* Độ lặp lại : $\pm 3 \mu\text{m}$

* Độ hồi sai : $\pm 4 \mu\text{m}$

* Độ không đảm bảo đo $U = 2 \mu\text{m}$ với độ tin cậy 95 %, $k = 2$

- Điều kiện môi trường (Environmental conditions)

Nhiệt độ (Temperature) : $(28 \pm 2) ^\circ\text{C}$

Độ ẩm (Humidity) : $(65 \pm 2) \% \text{RH}$

+ Địa điểm hiệu chuẩn (place the calibration):

Phòng thí nghiệm LAS - XD169

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình

Người thực hiện

Calibrated by

Đặng Ngọc Lâm



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

ĐK 72 - VLAC 1.1224

Địa chỉ: 23 Phan Huy Chú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị
Điện thoại: 0919.620.138 - Email: kiemdinhdoluongqb@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (N^o): 25H 02463 /HC

Tên đối tượng (Object): MÁY THỬ NGHIỆM MARSHALL

Kiểu (Type): EDI-1 Số (Serial No): 02223

Nơi sản xuất (Manufacture): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Phạm vi đo vòng ứng biến: (0 ÷ 30) kN

Biên dạng đo bằng đồng hồ so: d = 0,01 mm/vạch

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình

Nơi sử dụng (Place): Phòng thí nghiệm LAS - XD169

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Lực kế chuẩn được liên kết chuẩn Viện Đo lường Việt Nam

- Thiết bị chỉ thị số: C138Pn176/AG0001/ Matest - Italia

- Đầu đo lực N^o: C140-02(75 kN)/ Matest Italia; Độ KĐBĐ: U = 0,24 %

Kết quả (Results): Xem kết quả trang 2

Tem hiệu chuẩn số (Calibration label): 25H 02463

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 06/12/2026

Quảng Trị, ngày 08 tháng 12 năm 2025

Date of issue

Trưởng phòng Hiệu chuẩn

Head of Calibration Lab

P. GIÁM ĐỐC

Director

Phan Thanh Hà



Lưu Minh Tuấn

Trang:
(Page)
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
(*Calibration results*)

Số TT	Giá trị đọc trên máy (kN)	Giá trị trung bình trên chuẩn (kN)	Độ không đảm bảo đo (%)
1	0	0,00	0,00
2	20	2,65	0,57
3	40	5,05	0,60
4	60	7,52	0,51
5	80	9,98	0,48
6	100	13,25	0,51
7	120	15,02	0,45
8	140	17,44	0,58
9	160	19,85	0,48
10	180	22,27	0,45

- Điều kiện môi trường (*Enviromental conditions*)

Nhiệt độ (*Temperature*) : $(28 \pm 2)^\circ\text{C}$

Độ ẩm (*Humidity*) : $(65 \pm 2) \% \text{RH}$

- Độ không đảm bảo đo mở rộng U của phép hiệu chuẩn
ứng với mức độ tin cậy $p = 95\%$; hệ số phủ $k=2$.

+ Địa điểm hiệu chuẩn (*place the calibration*):

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình
Phòng thí nghiệm LAS - XD169

Người thực hiện

Calibrated by



Đặng Ngọc Lâm

Trang:
(*Page*)
2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất Lượng
(*This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization*)



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: 23 Phan Huy Chú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị

Điện thoại: 0919.620.138 - Email: kiemdinhdoluongqb@gmail.com

ĐK 72 - VLAC 1.1224

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (N^o): 25H 02464 /HC

Tên đối tượng (Object): MÁY THỬ ĐỘ BỀN KÉO NÉN

Kiểu (Type): WE-600B Số (Serial No): 30628

Nơi sản xuất (Manufacture): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Phạm vi đo: (0 ÷ 600) kN

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình

Nơi sử dụng (Place): Phòng thí nghiệm LAS - XD169

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 109 : 2002

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Lực kế chuẩn được liên kết chuẩn Viện Đo lường Việt Nam

- Thiết bị chỉ thị số: C138Pn176/AG0001/ Matest - Italia
- Đầu đo lực N^o: C140-04*AE*0014(300 kN)/ Matest Italia; Độ KĐBĐ: U = 0,24 %
- Đầu đo lực N^o: C140-08*AG*0002(3000 kN)/ Matest Italia; Độ KĐBĐ: U = 0,24 %

Kết quả (Results): Xem kết quả trang 2

Tem hiệu chuẩn số (Calibration label): 25H 02464

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 0612/2026

Quảng Trị, ngày 08 tháng 12 năm 2025

Date of issue

Trưởng phòng Hiệu chuẩn

Head of Calibration Lab

Phan Thanh Hà

P. GIÁM ĐỐC

Director



Lưu Minh Tuấn

Trang:
(Page)
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số: 25H 02464

ngày 06 tháng 12 năm 2025

Số TT	Chỉ thị trên máy (kN)	Chỉ thị TB chuẩn (kN)	ĐKĐBĐ mở rộng U (%)
Thang đo 200 kN; d = 0,5 kN			
1	20	20,15	0,45
2	40	40,12	0,38
3	60	60,17	0,35
4	80	80,38	0,42
5	100	100,50	0,36
6	110	110,58	0,40
Thang đo 300 kN; d = 1 kN			
1	50	83,86	39,99
2	10	100,05	0,35
3	150	150,27	0,34
4	200	200,33	0,43
5	250	250,71	0,43
Thang đo: 600 kN; d = 2 kN			
1	200	200,14	0,42
2	400	401,30	0,57
3	600	602,45	0,65
4	800	801,61	0,56
5	600	902,21	0,67

- Điều kiện môi trường (Environmental conditions)

Nhiệt độ (Temperature) : $(28 \pm 2)^\circ\text{C}$

Độ ẩm (Humidity) : $(65 \pm 2) \% \text{RH}$

- Độ không đảm bảo đo mở rộng U của phép hiệu chuẩn ứng với mức độ tin cậy $p = 95\%$; hệ số phủ $k=2$.

+ Địa điểm hiệu chuẩn (place the calibration):

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình
Phòng thí nghiệm LAS - XD169

Người thực hiện

Calibrated by



Đặng Ngọc Lâm

Trang:
Page
2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất Lượng
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

ĐK 72 - VLAC 1.1224

Địa chỉ: 23 Phan Huy Chú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị
Điện thoại: 0919.620.138 - Email: kiemdinhdoluongqb@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (N^o): 25H 02465 /HC

Tên đối tượng (Object): **MÁY THỬ NGHIỆM CBR**

Kiểu (Type): EDI-1 Số (Serial No): 02225

Nơi sản xuất (Manufacture): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Phạm vi đo vòng ứng biến: $(0 \div 50)$ kN

Biến dạng đo bằng đồng hồ so: $d = 0,01$ mm/vạch

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình

Nơi sử dụng (Place): Phòng thí nghiệm LAS - XD169

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Lực kế chuẩn được liên kết chuẩn Viện Đo lường Việt Nam

- Thiết bị chỉ thị số: C138Pn176/AG0001/ Matest - Italia

- Đầu đo lực N^o: C140-02(75 kN)/ Matest Italia; Độ KĐBĐ: $U = 0,24$ %

Kết quả (Results): Xem kết quả trang 2

Tem hiệu chuẩn số (Calibration label): 25H 02465

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 06/12/2026

Quảng Trị, ngày 08 tháng 12 năm 2025

Date of issue

Trưởng phòng Hiệu chuẩn

Head of Calibration Lab

P. GIÁM ĐỐC

Director

Phan Thanh Hà



Luu Minh Tuấn

Trang: Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản
(Page) của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

1/2

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
(*Calibration results*)

Số TT	Giá trị đọc trên máy (kN)	Giá trị trung bình trên chuẩn (kN)	Độ không đảm bảo đo (%)
1	0	0,00	0,00
2	20	4,42	0,53
3	40	8,88	0,58
4	60	13,31	0,51
5	80	17,60	0,48
6	100	21,64	0,51
7	120	25,93	0,45
8	140	30,14	0,57
9	160	34,18	0,48
10	180	37,79	0,45

- Điều kiện môi trường (*Environmental conditions*)

Nhiệt độ (*Temperature*) : $(28 \pm 2)^\circ\text{C}$

Độ ẩm (*Humidity*) : $(65 \pm 2) \% \text{RH}$

- Độ không đảm bảo đo mở rộng U của phép hiệu chuẩn
ứng với mức độ tin cậy $p = 95\%$; hệ số phủ $k=2$.

+ Địa điểm hiệu chuẩn (*place the calibration*):

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình
Phòng thí nghiệm LAS - XD169

Người thực hiện

Calibrated by



Đặng Ngọc Lâm

Trang:
(*Page*)
2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất Lượng

(*This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization*)



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

ĐK 72 - VLAC 1.1224

Địa chỉ: 23 Phan Huy Chú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị
Điện thoại: 0919.620.138 - Email: kiemdinhdoluongqb@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (N^o): 25H 02466 /HC

Tên đối tượng (Object): MÁY CẮT ĐẤT HAI TỐC ĐỘ

Kiểu (Type): EDI-1 Số (Serial No): 97324

Nơi sản xuất (Manufacture): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Phạm vi đo vòng ứng biến: (0 ÷ 120) daN

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình

Nơi sử dụng (Place): Phòng thí nghiệm LAS - XD169

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Lực kế chuẩn được liên kết chuẩn Viện Đo lường Việt Nam

- Thiết bị chỉ thị số: C138Pn176/AG0001/ Matest - Italia

- Đầu đo lực N^o: C140-02(75 kN)/ Matest Italia; Độ KĐBĐ: U = 0,24 %

Kết quả (Results): Xem kết quả trang 2

Tem hiệu chuẩn số (Calibration label): 25H 02466

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 06/12/2026

Quảng Trị, ngày 08 tháng 12 năm 2025

Date of issue

Trưởng phòng Hiệu chuẩn

Head of Calibration Lab

Phan Thanh Hà

P. GIÁM ĐỐC

Director



Lưu Minh Tuấn

Trang:
(Page)
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số: 25H 02466

ngày 06 tháng 12 năm 2025

Số TT	Chỉ thị trên máy (Biến dạng 0,01 mm)	Chỉ thị trung bình trên chuẩn (daN)	Độ không đảm bảo đo (%)
1	0	0,00	0,00
2	20	13,27	0,72
3	40	23,79	0,56
4	60	31,96	0,61
5	80	41,50	0,60
6	100	50,50	0,34
7	120	60,30	0,56
8	140	72,63	0,41
9	160	80,50	0,67
10	180	96,15	0,44

Ghi chú:

- Điều kiện môi trường (*Environmental conditions*)

Nhiệt độ (*Temperature*): $(28 \pm 2) ^\circ\text{C}$

Độ ẩm (*Humidity*): $(65 \pm 2) \% \text{RH}$

- Độ không đảm bảo đo mở rộng U của phép hiệu chuẩn
ứng với mức độ tin cậy $p = 95\%$; hệ số phủ $k=2$.

+ Địa điểm hiệu chuẩn:

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình

Phòng thí nghiệm LAS - XD169

Người thực hiện

Calibrated by



Đặng Ngọc Lâm



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: 23 Phan Huy Chú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị

Điện thoại: 0919.620.138 - Email: kiemdinhdoluongqb@gmail.com

ĐK 72 - VLAC 1.1224

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (N^o): 25H 02468 /HC

Tên đối tượng (Object): **KÍCH THUỶ LỰC**

Kiểu (Type): Thuỷ lực Số (Serial No): -

Nơi sản xuất (Manufacture): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Phạm vi đo: (0 ÷ 15) tấn

Áp kế: Pmax = 500 kg/cm²; d = 10 kg/cm²

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình

Nơi sử dụng (Place): Phòng thí nghiệm LAS - XD169

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Lực kế chuẩn được liên kết chuẩn Với VMI

- Thiết bị chỉ thị số: C138Pn176/AG0001/ Matest - Italia

- Đầu đo lực N^o: C140-04(300 kN)/ Matest Italia; Độ KĐBĐ: U = 0,24 %

Kết quả (Results): Xem kết quả trang 2

Tem hiệu chuẩn số (Calibration label): 25H 02468

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 06/12/2026

Quảng Trị, ngày 08 tháng 12 năm 2025

Date of issue

Trưởng phòng Hiệu chuẩn

Head of Calibration Lab

Phan Thanh Hà

P. GIÁM ĐỐC

Director



Luu Minh Tuan

Trang:
(Page)
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Phạm vi đo: (0 ÷ 15) tấn

Số máy: -

Số TT	Giá trị đọc trên máy kg/cm ²	Giá trị TB chuẩn (kN)	Giá trị TB chuẩn (tấn)	ĐKĐBĐ mở rộng U (%)
1	50	10,60	1,07	0,48
2	100	16,53	1,67	0,49
3	150	25,72	2,60	0,52
4	200	35,79	3,62	0,49
5	250	46,81	4,74	0,52
6	350	68,29	6,91	0,52
7	350	88,96	9,00	1,52
8	450	101,22	10,24	2,52

- Điều kiện môi trường (Environmental conditions)

Nhiệt độ (Temperature) : (28 ± 2) °C


Độ ẩm (Humidity) : (65 ± 2) % RH

- Độ không đảm bảo đo mở rộng U của phép hiệu chuẩn ứng với mức độ tin cậy p = 95%; hệ số phủ k=2.

- Nơi hiệu chuẩn: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình
Phòng thí nghiệm LAS - XD169

Người thực hiện

Calibrated by



Đặng Ngọc Lâm

Trang:

(Page)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: 23 Phan Huy Chú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị

ĐK 72 - VLAC 1.1224

Điện thoại: 0919.620.138 - Email: kiemdinhdoluongqb@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (N^o): 25H 02469 /HC

Tên đối tượng (Object): MÁY THỬ ĐỘ BỀN NÉN

Kiểu (Type): TYE - 2000 Số (Serial No): 02004

Nơi sản xuất (Manufacture): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Phạm vi đo: (0 ÷ 2000) kN / d = 2,5 kN/ 5 kN

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình

Nơi sử dụng (Place): Phòng thí nghiệm LAS - XD169

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 109 : 2002

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Lực kế chuẩn được liên kết chuẩn Viện Đo lường Việt Nam

- Thiết bị chỉ thị số: C138Pn176/AG0001/ Matest - Italia

- Đầu đo lực N^o: C140-04*AE*0014(300 kN)/ Matest Italia; Độ KĐBĐ: U = 0,24 %

- Đầu đo lực N^o: C140-08*AG*0002(3000 kN)/ Matest Italia; Độ KĐBĐ: U = 0,24 %

Kết quả (Results): Xem kết quả trang 2

Tem hiệu chuẩn số (Calibration label): 25H 02469

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 06/12/2026

Quảng Trị, ngày 08 tháng 12 năm 2025

Date of issue

Trưởng phòng Hiệu chuẩn

Head of Calibration Lab

Phan Thanh Hà

P. GIÁM ĐỐC

Director

Luu Minh Tuan

Trang:
(Page)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số: 25H 02469 ngày 06 tháng 12 năm 2025

Số TT	Chỉ thị trên máy (kN)	Chỉ thị TB chuẩn (kN)	ĐKĐBĐ mở rộng U (%)
Thang đo: (0 ÷ 800) kN, d = 2,5 kN			
1	100	99,71	0,40
2	200	200,33	0,41
3	300	301,05	0,47
4	400	400,73	0,44
5	500	501,73	0,39
6	600	601,45	0,47
7	700	701,33	0,45
Thang đo: (0 ÷ 2000) kN, d = 5 kN			
1	200	200,72	0,45
2	400	401,75	0,43
3	600	601,33	0,47
4	800	802,13	0,41
5	1000	1005,69	0,57
6	1200	1203,76	0,48
7	1400	1403,31	0,46
8	1600	1603,46	0,40
9	1800	1805,03	0,39

- Điều kiện môi trường (Environmental conditions)

Nhiệt độ (Temperature) : $(28 \pm 2) ^\circ\text{C}$

Độ ẩm (Humidity) : $(65 \pm 2) \% \text{RH}$

- Độ không đảm bảo đo mở rộng U của phép hiệu chuẩn ứng với mức độ tin cậy $p = 95\%$; hệ số phủ $k=2$.

+ Địa điểm hiệu chuẩn (place the calibration):

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình
Phòng thí nghiệm LAS - XD169

Người thực hiện

Calibrated by



Đặng Ngọc Lâm

Trang:
Page
2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: 23 Phan Huy Chú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị

ĐK 72 - VLAC 1.1224

Điện thoại: 0919.620.138 - Email: kiemdinhdoluongqb@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (N^o): 25H 02470 /HC

Tên đối tượng (Object): **KÍCH THUYỬ LỰC**
 Kiểu (Type): Thủy lực Số (Serial No): -
 Nơi sản xuất (Manufacture): Trung Quốc
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):
 Phạm vi đo: (0 ÷ 30) tấn
 Áp kế: Pmax = 700 kg/cm²; d = 20 kg/cm²
 Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình
 Nơi sử dụng (Place): Phòng thí nghiệm LAS - XD169
 Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002
 Chuẩn được sử dụng (Standards used): Lực kế chuẩn được liên kết chuẩn Với VMI
 - Thiết bị chỉ thị số: C138Pn176/AG0001/ Matest - Italia
 - Đầu đo lực N^o: C140-04(300 kN)/ Matest Italia; Độ KĐBĐ: U = 0,24 %
 Kết quả (Results): Xem kết quả trang 2
 Tem hiệu chuẩn số (Calibration label): 25H 02470
 Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 06/12/2026

Quảng Trị, ngày 08 tháng 12 năm 2025

Date of issue

Trưởng phòng Hiệu chuẩn
Head of Calibration Lab

P. GIÁM ĐỐC

Director

Phan Thanh Hà



Lưu Minh Tuấn

Trang:
(Page)
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Phạm vi đo: (0 ÷ 30) tấn

Số máy: -

Số TT	Giá trị đọc trên máy kg/cm ²	Giá trị TB chuẩn (kN)	Giá trị TB chuẩn (tấn)	ĐKĐBBĐ mở rộng U (%)
1	100	28,36	2,87	0,48
2	200	103,67	10,49	0,49
3	300	85,33	8,64	0,52
4	400	116,12	11,75	0,49
5	500	144,19	14,59	0,52
6	600	172,88	17,50	0,52

- Điều kiện môi trường (Environmental conditions)

Nhiệt độ (Temperature) : (28 ± 2) °C

Độ ẩm (Humidity) : (65 ± 2) % RH

- Độ không đảm bảo đo mở rộng U của phép hiệu chuẩn
ứng với mức độ tin cậy p = 95%; hệ số phủ k=2.

- Nơi hiệu chuẩn: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình
Phòng thí nghiệm LAS - XD169

Người thực hiện

Calibrated by

Đặng Ngọc Lâm

Trang:
(Page)
2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: 23 Phan Huy Chú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị
Điện thoại: 0919.620.138 - Email: kiemdinhdoluongqb@gmail.com

ĐK 72 - VLAC 1.1224

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (N^o): 24120610 /HC

Tên đối tượng (Object): MÁY NÉN TAM LIÊN

Kiểu (Type): Tỷ lệ (Model: WG) Số (Serial No): 20

Nơi sản xuất (Manufacture): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

* P_{max} = 1600 kPa Tiết diện nén: S = 30 cm²

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình

Nơi sử dụng (Place): Phòng thí nghiệm LAS - XD169

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Lực kế chuẩn được liên kết chuẩn Viện Đo lường Việt Nam

- Thiết bị chỉ thị số: C138Pn176/AG0001/ Matest - Italia

- Đầu đo lực N^o: C140-02(75 kN)/ Matest Italia; Độ KĐBĐ: U = 0,24 %

Kết quả (Results): Xem kết quả trang 2

Tem hiệu chuẩn số (Calibration label): 25H 02467

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 06/12/2026

Quảng Trị, ngày 08 tháng 12 năm 2025

Date of issue

Trưởng phòng Hiệu chuẩn

Head of Calibration Lab

Phan Thanh Hà

P. GIÁM ĐỐC

Director



Lưu Minh Tuấn

Trang:
(Page)
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
(*Calibration results*)

Số TT	Chỉ thị trên máy			Chỉ thị trên chuẩn					Số hiệu chính (kPa)
	(kPa)	(kN)	(kg)	F1(kN)	F1(kN)	F1(kN)	\bar{F}_{tb}	F(kPa)	
<u>Vị trí số I</u>									
1	100	0,30		0,298	0,299	0,297	0,298	99,3	0,7
2	200	0,60		0,596	0,599	0,598	0,598	199,2	0,8
3	400	1,20		1,197	1,197	1,198	1,197	399,1	0,9
4	800	2,40		2,398	2,398	2,395	2,397	799,0	1,0
5	1600	4,80		4,797	4,798	4,799	4,798	1599,3	0,7
<u>Vị trí số II</u>									
1	100	0,30		0,303	0,301	0,302	0,302	100,7	-0,7
2	200	0,60		0,601	0,603	0,604	0,603	200,9	-0,9
3	400	1,20		1,199	1,209	1,197	1,202	400,6	-0,6
4	800	2,40		2,400	2,398	2,410	2,403	800,9	-0,9
5	1600	4,80		4,805	4,801	4,801	4,802	1600,8	-0,8
<u>Vị trí số III</u>									
1	100	0,30		0,299	0,296	0,298	0,298	99,2	0,8
2	200	0,60		0,597	0,599	0,596	0,597	199,1	0,9
3	400	1,20		1,198	1,196	1,199	1,198	399,2	0,8
4	800	2,40		2,406	2,408	2,391	2,402	800,6	-0,6
5	1600	4,80		4,797	4,796	4,813	4,802	1600,7	-0,7

- Độ không đảm bảo đo mở rộng U của phép hiệu chuẩn ứng với mức độ tin cậy $p = 95\%$; hệ số phủ $k=2$.

- Điều kiện môi trường (*Environmental conditions*)

Nhiệt độ (*Temperature*) : $(28 \pm 2)^\circ\text{C}$

Độ ẩm (*Humidity*) : $(65 \pm 2) \% \text{RH}$

+ Địa điểm hiệu chuẩn (*place the calibration*):

Phòng thí nghiệm LAS - XD169
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình

Người thực hiện

Calibrated by



Đặng Ngọc Lâm

CÔNG TY CỔ PHẦN TVXD GIAO THÔNG QUẢNG BÌNH
PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐCCT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

=====0000000000=====

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

Mã số: STCL
Lần ban hành: 03

Đồng Hới, tháng 4 năm 2026

TCVN ISO 17025:2017	CÔNG TY CỔ PHẦN TVXD GIAO THÔNG QUẢNG BÌNH PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐCCT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG		
	SỔ TAY CHẤT LƯỢNG		
Mã số: STCL	Ngày ban hành: 10/4/2026	Lần ban hành: 03	Trang: 3/27

PHẦN I THÔNG TIN CHUNG

I. Giới thiệu phòng thí nghiệm:

Tên cơ quan : **Công ty cổ phần tư vấn xây dựng giao thông Quảng Bình**

Địa chỉ : Số 60 đường Lê Thành Đồng, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị

Điện thoại : 0232. 3822 456 Fax: 0232. 3825 125

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm ĐCCT và Vật liệu xây dựng LAS-XD 169**

Địa chỉ : Số 60 đường Lê Thành Đồng, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị

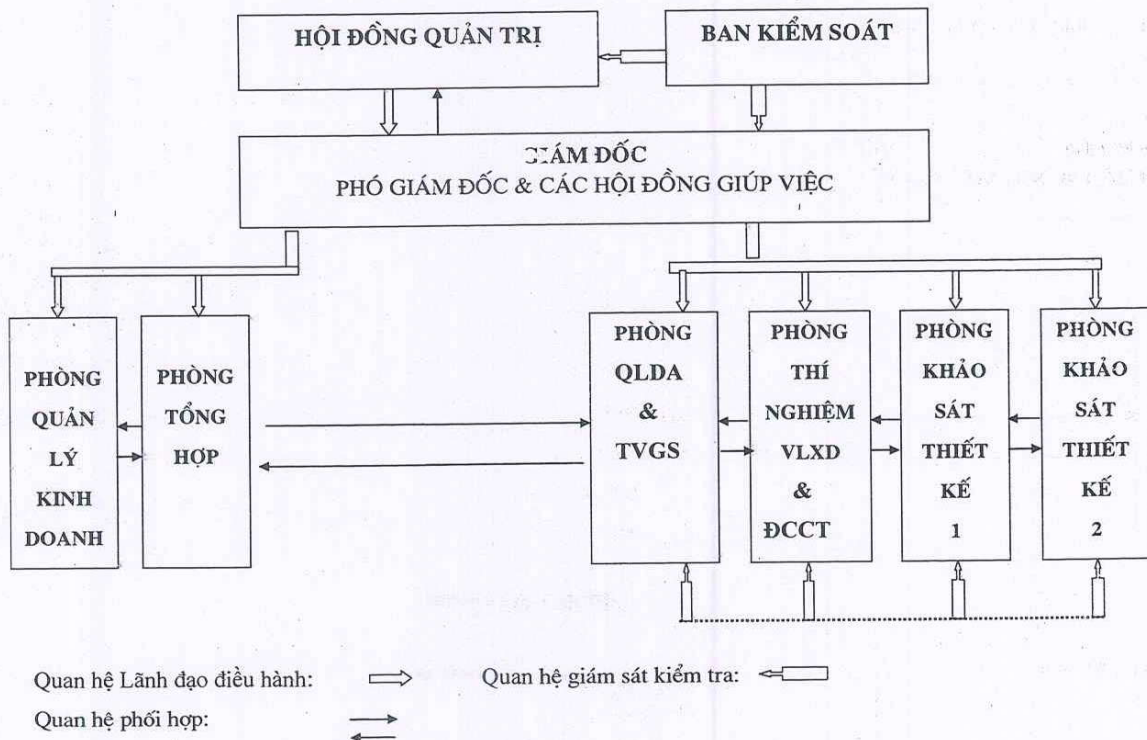
Điện thoại : 0948 355 000

II. Phạm vi áp dụng của hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL)

Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 17025:2017 của Công ty được áp dụng trong lĩnh vực hoạt động sau đây:

“Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra chất lượng công trình”

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



TCVN ISO 17025:2017	CÔNG TY CỔ PHẦN TVXD GIAO THÔNG QUẢNG BÌNH PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐCCT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG		
	SỔ TAY CHẤT LƯỢNG		
Mã số: STCL	Ngày ban hành: 10/4/2026	Lần ban hành: 03	Trang: 4/27

1. Tổ chức bộ máy quản lý

1.1. Ban Giám đốc.

- Giám đốc điều hành theo chế độ thủ trưởng.
 - Các Phó giám đốc giúp Giám đốc điều hành giải quyết những vấn đề được phân công phụ trách.

- Thành lập các Hội đồng giúp việc để thực hiện chức năng tham mưu, giúp giải quyết các nội dung công việc quan trọng, có tính chất thường kỳ.

1.2. Các phòng ban chức năng

Có nhiệm vụ thực hiện các nhiệm vụ do Giám đốc giao, hoàn thành các công việc được giao theo đặc điểm riêng của từng phòng. Các phòng, ban và các đơn vị có cơ cấu như sau:

Các phòng chức năng nghiệp vụ trong Công ty bao gồm:

- Phòng Tổng hợp
- Phòng Quản lý kinh doanh
- Phòng Quản lý DA & TVGS
- Phòng Khảo sát - Thiết kế 1,2
- Phòng Thí nghiệm ĐCCT và VLXD

Mọi hoạt động của các phòng ban phải xây dựng phải tuân thủ theo quy định trong Quy chế hoạt động của Công ty.

Trong quá trình hoạt động, Công ty căn cứ vào tình hình thực tế của từng giai đoạn phát triển để lựa chọn, bố trí cán bộ, nhân viên và thành lập hoặc giải thể các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ cho phù hợp nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trên cơ sở định biên đã được Giám đốc phê duyệt.

1.2.1. Phòng Tổng hợp

Phòng tổng hợp có tổ chức phòng bao gồm: Trưởng phòng, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư, lái xe và 01 bảo vệ.

1.2.2. Phòng Quản lý kinh doanh

Phòng Quản lý Kinh doanh có tổ chức phòng bao gồm Trưởng phòng, phó phòng và nhân viên

1.2.3. Phòng Khảo sát Thiết kế:

Bộ phận Khảo sát Thiết kế gồm có 2 phòng: Phòng Khảo sát Thiết kế 1 và phòng Khảo sát Thiết kế 2, các phòng có chức năng và nhiệm vụ như nhau và có tổ chức phòng như sau: Trưởng phòng, phó phòng phụ trách thiết kế, phó phòng phụ trách khảo sát và các cán bộ Khảo sát, Thiết kế.

1.2.4. Phòng Quản lý DA & TVGS:

Chịu sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp từ Ban Giám đốc, phối hợp với các bộ phận khác khi thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình.

Phòng Quản lý DA &TVGS: có biên chế gồm : Trưởng phòng, phó phòng và các cán bộ.

1.2.3. Phòng Thí nghiệm ĐCCT và VLXD :

Phòng Thí nghiệm ĐCCT&VLXD có tổ chức phòng như sau: Trưởng phòng, Phó phòng phụ trách Thí nghiệm, Phó phòng phụ trách Khảo sát địa chất (hoặc chủ trì Khảo sát địa chất) và các cán bộ Khảo sát địa chất, thí nghiệm viên.

2 . Nguyên tắc hoạt động của các phòng ban.

1- Giám đốc điều hành hoạt động của các phòng ban chủ yếu thông qua Trưởng phòng. Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về công việc được phân công.

2- Trưởng phòng điều hành tổ chức của phòng theo chế độ chuyên viên. Một lĩnh vực công việc có thể giao cho một hoặc một nhóm nhân viên chịu trách nhiệm xử lý, trong đó phải xác định viên chức chịu trách nhiệm chính.

3- Các phó phòng giúp Trưởng phòng trực tiếp chỉ đạo và thực hiện một số nhiệm vụ theo phân công của Trưởng phòng; chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và pháp luật về phần việc đó.

3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các tổ chức

3.1. Phòng Tổng hợp

a. Chức năng:

Tham mưu giúp cho Ban Giám đốc tổ chức hoạt động hành chính, đối nội, đối ngoại, quản lý nhân sự, quản lý cơ sở vật chất, hạ tầng. Chủ trì xây dựng quy chế hoạt động và giám sát thực hiện quy chế của Công ty.

Tham mưu công tác quản lý tài chính, kế toán, hạch toán kinh doanh, xây dựng kế hoạch tài chính của Công ty theo pháp luật và các quy định hiện hành của Nhà nước.

b. Nhiệm vụ:

- Công tác hành chính hằng ngày, làm các thủ tục hành chính phục vụ hoạt động, sinh hoạt, hội họp, tiếp khách.v.v... công tác đối nội, đối ngoại. Quản lý xe ô tô, các phương tiện đi lại khác của công ty.

- Thực hiện các thủ tục tiếp nhận, điều động chuyên, đề bạt, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Soạn thảo hợp đồng lao động theo các quy định của Nhà nước và quy chế của Công ty. Quản lý công tác nhân sự hồ sơ cán bộ, sổ BHXH, sổ lao động. Thực hiện các quyền lợi và nghĩa vụ cho người lao động theo chế độ chính sách của nhà nước về tiền lương, BHXH, BHYT, BHLĐ. Xây dựng và bảo vệ định mức lao động, đơn giá tiền lương, thống kê LĐTL.

TCVN	CÔNG TY CỔ PHẦN TVXD GIAO THÔNG VÀ NGÀNH ĐÌNH		
	PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐCCT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG		
ISO 17025:2017	SỔ TAY CHẤT LƯỢNG		
Mã số: STCL	Ngày ban hành: 10/4/2026	Lần ban hành: 03	Trang: 6/27

- Công tác văn thư, lưu trữ, giữ và bảo quản con dấu của Công ty và các đoàn thể đúng theo quy định. Lưu trữ công văn đi và đến, lưu trữ hồ sơ các công trình đã nghiệm thu (hồ sơ từ các phòng chuyển về theo định kỳ), hướng dẫn khách đến làm việc, thực hiện đúng quy chế của Công ty.

- Quản lý, duy trì, sửa chữa cơ sở hạ tầng, công trình, trang thiết bị phục vụ sinh hoạt và sản xuất kinh doanh của toàn Công ty. Công tác vệ sinh môi trường, cảnh quan công ty.

- Công tác Quân sự, an ninh quốc phòng, phòng chống thiên tai, PCCC, Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cơ quan, an toàn cơ sở hạ tầng văn phòng Công ty. Thường trực bảo vệ cơ quan 24/24h (Trong giờ hành chính do Phòng tổng hợp quản lý chính, cán bộ công nhân viên toàn Công ty phối hợp, ngoài giờ hành chính do bảo vệ quản lý).

- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bổ sung nguồn nhân lực cho công ty. Phối hợp với P. Quản lý kinh doanh để theo dõi các loại chứng chỉ, đề xuất tập huấn, hướng dẫn làm hồ sơ cấp chứng chỉ của các bộ phận.

- Thực hiện các nghiệp vụ tài chính, kế toán của Doanh nghiệp thường nhật và định kỳ. Sắp xếp dữ liệu, lập sổ sách, biểu mẫu để theo dõi và phản ánh đầy đủ kịp thời hoạt động tài chính của Công ty. Cung cấp số liệu xác thực, rõ ràng cho các bộ phận, ban Giám đốc, HĐQT, Ban kiểm soát khi có yêu cầu đúng quy định.

- Thực hiện tốt việc bảo toàn tài sản, hạch toán một cách hợp lý tài sản và các nguồn lực tài chính khác của Công ty. Lập kế hoạch tài chính, dự phòng, cân đối, đảm bảo nguồn lực tài chính để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp được ổn định, liên tục.

- Chủ trì công tác thanh toán với CĐT, Kho bạc NN, với các khách hàng. Chịu trách nhiệm chính theo dõi công nợ và đánh giá tình hình công nợ. Phối hợp với phòng QLKD và các bộ phận liên quan trong công tác thu nợ, đối chiếu công nợ.

- Thực hiện lập báo cáo, quyết toán tài chính định kỳ theo quy định của nhà nước, công ty báo cáo Giám đốc duyệt. Bảo vệ trước cơ quan chức năng khi các cơ quan này thanh kiểm tra, thẩm định, phê duyệt quyết toán báo cáo tài chính.

- Hướng dẫn kiểm tra các bộ phận lập kế hoạch tài chính để phục vụ hoạt động sản xuất của các bộ phận trình Giám đốc duyệt. Hướng dẫn và kiểm tra các bộ phận thực hiện các công tác về tài chính thường xuyên và định kỳ. Tham gia lập định mức lao động và tỷ suất tiền lương. Thanh toán tiền lương các bộ phận sản xuất trực tiếp, khối gián tiếp.

- Phân tích hoạt động tài chính hàng năm, tổng kết số liệu, so sánh với các năm. Phân tích, đánh giá đối với các nguồn vốn và khả năng thanh toán, các rủi ro có thể gặp

phải. Đánh giá việc thực hiện từng hợp đồng kinh tế, đúc rút kinh nghiệm bổ sung cho những năm kế hoạch tiếp theo.

- Lưu giữ bảo quản sổ sách, tài liệu chứng từ kế toán theo quy định. Thực hiện trách nhiệm kho và quỹ. Quản lý tài sản, công cụ, dụng cụ, phương tiện về số lượng và giá trị.

c. Quyền hạn:

- Chủ động tham mưu, đề xuất các vấn đề, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của phòng.

- Tự tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao, yêu cầu các bộ phận liên quan phối hợp để thực hiện nhiệm vụ.

- Thường trực hội đồng lương, Hội đồng thi đua khen thưởng.

- Chủ động tham mưu, đề xuất các vấn đề, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của phòng. Tự tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao, yêu cầu các bộ phận liên quan phối hợp để thực hiện nhiệm vụ.

- Thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động tài chính của các bộ phận theo chức năng của cơ quan tài chính cấp trên.

3.2. Phòng Quản lý kinh doanh

a. Chức năng:

Tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc trong việc xây dựng kế hoạch kinh doanh, nhận thầu, giao dịch ký kết hợp đồng. Quản lý điều hành về tiến độ các công đoạn sản xuất, công tác nghiệm thu sản phẩm với các chủ đầu tư, quản lý theo dõi vật tư, vật liệu, công cụ, máy móc thiết bị sản xuất.

b. Nhiệm vụ:

- Khai thác thị trường việc làm theo các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Khai thác các thông tin về tổ chức, nguồn vốn, về các chương trình, kế hoạch, định hướng lớn của các cơ quan QLNN, các chủ đầu tư liên quan đến kinh doanh để quản lý, xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh doanh của Công ty.

- Chủ trì thực hiện công tác lập đề cương, nhiệm vụ, giá trị công tác khảo sát thiết kế, bảo vệ khi CĐT thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh bổ sung, quyết toán, thanh tra, kiểm toán. Chủ trì thực hiện thủ tục công tác lựa chọn nhà thầu khi công ty tham gia (*Chi định thầu, đấu thầu, chỉ định thầu bổ sung, điều chỉnh...v.v.*). Thực hiện soạn thảo, trình ký kết hợp đồng, phụ lục hợp đồng với Chủ đầu tư.

- Soạn thảo các hợp đồng nội bộ, ước tính kinh phí khảo sát để các bộ phận khảo sát tạm ứng theo đề cương được duyệt với tỷ lệ theo quy định tại quy chế này. Chịu trách

nhiệm nếu sai khác lớn so với đề cương được duyệt, gây thiệt hại kinh tế đối với công ty.

- Tham mưu cho Ban giám đốc điều phối công việc cho các bộ phận sản xuất. Theo dõi, đôn đốc về tiến độ thực hiện của các bộ phận theo lịch, kế hoạch công tác đã được CĐT, Lãnh đạo công ty phê duyệt.

- Kết hợp với bộ phận QLCL để thực hiện kiểm tra, nghiệm thu hồ sơ, khối lượng công tác thực hiện của các bộ phận, đối chiếu với đề cương được duyệt. Chủ trì tập hợp khối lượng và công tác phát sinh để làm thủ tục điều chỉnh với CĐT ngay khi các bộ phận đề xuất khối lượng phát sinh ngoài nhiệm vụ, khối lượng được duyệt.

- Soạn thảo các tài liệu liên quan và Chủ trì công tác nghiệm thu với các Chủ đầu tư. Phối hợp với phòng TH để làm thủ tục thanh lý các hợp đồng kinh tế.

- Lập và cân đối công tác thanh toán lương khoán định kỳ cho các bộ phận sản xuất trực tiếp. Thường trực hội đồng nghiệm thu thanh, quyết toán nội bộ.

- Lập các báo cáo tổng hợp theo yêu cầu báo cáo của cấp trên trong phạm vi công việc của phòng. Thường xuyên theo dõi năng lực công ty, nắm chắc số lượng bằng cấp, chứng chỉ hành nghề để đề xuất cấp mới, cấp đổi, hợp đồng bổ sung khi cần thiết.

- Điều tra, tìm hiểu hoạt động, khai thác thông tin Năng lực các đơn vị tư vấn hoạt động trên địa bàn, ngành. Điều tra các loại đơn giá công tác tư vấn, thí nghiệm trên thị trường để tham mưu giúp Lãnh đạo công ty đưa ra các quyết sách hợp lý.

c. Quyền hạn:

- Chủ động tham mưu, đề xuất các vấn đề, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của phòng. Tự tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao, yêu cầu các bộ phận liên quan phối hợp để thực hiện nhiệm vụ.

- Được quyền tiếp nhận các nhu cầu về tư vấn, tính toán lập Hợp đồng kinh tế đối với các chủ đầu tư, trình Giám đốc Công ty duyệt.

- Cân đối, đề xuất giao, điều phối công việc cho các bộ phận thông qua Hợp đồng nội bộ trình Giám đốc duyệt.

- Nghiên cứu các nội dung công việc do các bộ phận tự khai thác, đề xuất, trình Giám đốc Công ty ký Hợp đồng kinh tế.

3.3. Phòng Khảo sát - Thiết kế

a. Chức năng:

Tham mưu cho Ban Giám đốc trong công tác chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ theo pháp luật và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Trực tiếp tổ chức thực hiện công tác khảo sát địa hình, lập dự án, thiết kế các công trình giao thông, dân dụng và các công tác tư vấn khác mà Công ty giao.

b. Nhiệm vụ:

- Thực hiện các hợp đồng được giao giữa ban lãnh đạo Công ty và bộ phận mình đảm bảo các công trình đạt chất lượng, đúng tiến độ và đầy đủ nội dung theo quy định.

- Sau khi hoàn thành hồ sơ khảo sát địa hình, hồ sơ thiết kế, và đã được cơ quan xét duyệt chấp thuận, tiến hành phê duyệt hồ sơ đầy đủ nộp cho phòng QLKD, hồ sơ gốc của phòng nào lưu lại tại phòng đó.

- Tham gia bảo vệ dự án trước các hội đồng, giải trình trước cơ quan thẩm định các loại hồ sơ.

- Cùng với phòng QLKD thực hiện nghiệm thu quyết toán các công trình do bộ phận mình thực hiện.

- Thanh lý hợp đồng khoán với Công ty, chia lương khoán cho các thành viên tham gia hợp đồng.

c. Quyền hạn:

- Được chủ động tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, chủ động khai thác công việc theo khả năng của bộ phận mình.

- Được quyền chủ động hạch toán chi phí sản xuất trong khuôn khổ nội dung tài chính được Công ty giao khoán.

- Được quyền ký kết hợp đồng thuê ngoài những nội dung công việc đơn giản.

3.4. Phòng QLDA & TVGS:**a. Chức năng:**

Trực tiếp tổ chức thực hiện công việc Quản lý DA & TVGS tất cả các công trình do Công ty giao.

b. Nhiệm vụ:

- Thực hiện các hợp đồng được giao giữa ban lãnh đạo Công ty và bộ phận mình, đảm bảo các công trình đạt chất lượng, đúng tiến độ và các yêu cầu khác theo quy định.

- Ngoài phần kế hoạch Công ty giao, chủ động liên hệ với các Chủ đầu tư khác để mở rộng kế hoạch công việc.

- Sau khi hoàn thành hợp đồng, tất cả các hồ sơ tài liệu liên quan đến công trình phải được lưu vào hồ sơ gốc của hợp đồng. Trường hợp thiệt hại do mất hồ sơ gốc, Trung tâm phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

- Tham gia làm việc, giải trình về các nội dung liên quan đến công việc của mình trước các cơ quan hữu quan cùng với Chủ đầu tư và Công ty khi có yêu cầu.

- Phối hợp với các phòng trong Công ty khi thực hiện các hợp đồng công việc của có liên quan đến công trình.
- Phối hợp với phòng Quản lý kinh doanh thực hiện nghiệm thu quyết toán các hợp đồng công trình do phòng mình thực hiện thực hiện.
- Thanh lý hợp đồng khoán với Công ty, chia lương khoán cho các thành viên tham gia hợp đồng.

c. Quyền hạn:

- Được chủ động tổ chức thực hiện kế hoạch công việc theo khả năng của bộ phận mình.
- Được quyền chủ động hạch toán chi phí sản xuất trong khuôn khổ nội dung tài chính được Công ty giao khoán.
- Được quyền ký kết hợp đồng thuê ngoài những nội dung công việc đơn giản.

3.5. Phòng Thí nghiệm ĐCCT và VLXD**a. Chức năng:**

Tham mưu cho Ban Giám đốc trong công tác chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ theo pháp luật và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Trực tiếp tổ chức thực hiện công việc khảo sát địa chất, thí nghiệm địa chất công trình và thí nghiệm vật liệu xây dựng cho tất cả các công trình do Công ty giao.

2. Nhiệm vụ:

- Thực hiện các hợp đồng được giao đảm bảo các công trình đạt chất lượng, đúng tiến độ và đầy đủ nội dung theo quy định thông qua đề cương khảo sát thiết kế do lãnh đạo Công ty ký duyệt.

- Ngoài phần kế hoạch Công ty giao, chủ động tiếp thị khai thác nguồn kế hoạch để thực hiện.

- Tất cả phần khảo sát địa chất tuyến, khảo sát địa chất công trình và lập báo cáo địa chất công trình phòng Khảo sát địa chất và thí nghiệm ĐCCT&VLXD đảm nhận, khi có đề cương khảo sát, phòng Khảo sát địa chất và Thí nghiệm cử người liên hệ với bộ phận khảo sát địa hình để thực hiện cho đồng bộ.

- Sau khi hoàn thành hồ sơ khảo sát địa chất, hồ sơ địa chất công trình và hồ sơ thí nghiệm VLXD thì tiến hành phôtô đầy đủ nộp cho phòng Quản lý kinh doanh, hồ sơ gốc sẽ được bảo quản và lưu lại phòng Khảo sát địa chất và Thí nghiệm. Tất cả các biên bản bổ sung, điều chỉnh sau liên quan đến các công trình phải tập hợp vào hồ sơ gốc.

- Cùng với phòng Quản lý kinh doanh thực hiện nghiệm thu quyết toán các công trình do bộ phận mình thực hiện.

- Thực hiện trách nhiệm giám sát tác giả đối với các công trình do mình khảo sát và thí nghiệm.

- Thanh lý hợp đồng khoán với Công ty, chia lương khoán cho các thành viên tham gia hợp đồng.

c. Quyền hạn:

- Được chủ động tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, chủ động khai thác công việc theo khả năng của bộ phận mình.

- Được quyền chủ động hạch toán chi phí sản xuất trong khuôn khổ nội dung tài chính được Công ty giao khoán.

- Được quyền ký kết hợp đồng thuê ngoài những nội dung công việc đơn giản.

*** Công tác đảm bảo chất lượng.**

a, Quy định chung :

- Qua thực tế thí nghiệm nhận thấy: Một kết quả thí nghiệm phải trải qua nhiều công đoạn các chỉ tiêu cơ lý của vật liệu (đất, đá, cát vv...) chúng thường có sự liên quan với nhau. Do đó các số liệu được ghi chép đầy đủ, rõ ràng, không được tẩy xóa.

- Số liệu ghi không chính xác yêu cầu gạch bỏ và ghi bằng số liệu khác bên cạnh số liệu cũ.

- Các phép thử phải được thực hiện theo đúng các tiêu chuẩn của ngành, tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tiêu chuẩn Quốc tế quy định (AASHTO và ASTM)

- Trưởng các bộ phận và kỹ thuật viên thực hiện các phép thử chịu trách nhiệm về kết quả phép thử của mình. Trưởng phòng, Phó phòng là người phê duyệt kết quả thí nghiệm và chịu trách nhiệm về các kết luận của P.T.N đối với phép thử do phòng thí nghiệm thực hiện.

b, Chế độ kiểm tra đối chứng các phép thử.

- Đối với các công trình quan trọng (trọng điểm) số liệu yêu cầu có độ chính xác cao, P.T.N lập đề cương thí nghiệm đề xuất gửi mẫu đến phòng thí nghiệm kiểm tra đối chứng tại các Công ty thí nghiệm khác.

- Các nhân viên thí nghiệm phải thành thạo các phép thử. Khi nhận thấy nghi ngờ về kết quả phép thử, P.T.N yêu cầu nhân viên TN thực hiện lại phép thử để kiểm tra độ chính xác của phép thử.

c, Xác nhận hồ sơ TN.

- Hồ sơ thí nghiệm phải có đầy đủ xác nhận sau đây:

- Chữ ký của người thí nghiệm, người phụ trách bộ phận hoặc soát xét.

- Chữ ký của người phụ trách phòng thí nghiệm .

- Đối với các Dự án Quốc tế, nếu có tư vấn giám sát thì hồ sơ thí nghiệm cần có chữ ký của Tư vấn vào phiếu lấy mẫu và kết quả thí nghiệm mẫu.

d, Quy định đối với đơn vị gửi mẫu thí nghiệm.

- Các đơn vị khi gửi mẫu tới P.T.N cần thực hiện yêu cầu sau:

- Mẫu phải đúng quy cách về số lượng quy định.

- Phiếu lấy mẫu và đề cương yêu cầu TN các phép thử.

- Tên và địa chỉ giao dịch, phản hồi khác vv.

e, Quy định kết quả TN; Sử dụng và bảo quản mẫu.

- Đơn vị hoặc cá nhân nào gửi mẫu thí nghiệm thì đơn vị và cá nhân đó nhận được thông báo hoặc kết quả thí nghiệm.
- Khi nhận kết quả thí nghiệm yêu cầu ký nhận vào sổ giao nhận tài liệu.
- Kết quả bản gốc TN được lưu trữ tại P.T.N.
- Mẫu TN được lưu trữ đặc trưng tại P.T.N như quy định.

* **Tổ chức.**

a, **Người phụ trách.**

- Tổng số cán bộ thí nghiệm trong phòng thí nghiệm tùy thuộc vào từng giai đoạn phát triển và của Công ty và yêu cầu công việc cụ thể nhằm đảm bảo công việc được triển khai một cách hiệu quả, tối ưu.

- Trưởng phòng thí nghiệm là người phụ trách chung có nhiệm vụ : Hướng dẫn các kỹ thuật viên (nhân viên) của mình nội dung các phép thử theo tiêu chuẩn quy định. Người phụ trách chịu trách nhiệm về kết luận của mình.

- Các nhân viên TN phải nghiêm chỉnh thực hiện nội dung TN do trưởng phòng đã phổ biến theo đúng quy trình hoặc tổ chức quy định.

- Nhân viên TN phải chịu trách nhiệm về kết quả các phép thử do mình thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện có gì sai sót cần báo cáo để trưởng phòng nắm được và tìm biện pháp khắc phục.

- Trưởng phòng TN chịu trách nhiệm xác nhận hoặc ký xác nhận báo cáo kết quả của phòng.

b, **Phân công trách nhiệm.**

- Do tiến độ yêu cầu và tính chất công việc, do đó yêu cầu mỗi nhân viên phải thành thạo mọi phép thử khác nhau.

- Căn cứ tổ chức và năng lực của nhân viên thí nghiệm phân công nhiệm vụ như sau:

+ **Đồng chí : Lê Thuận Kiên** –Trưởng phòng thí nghiệm phụ trách chung điều hành công việc, kiểm tra thí nghiệm và chất lượng thí nghiệm.

- Căn cứ khối lượng công việc cụ thể, trưởng phòng TN sẽ phân công cho từng tổ nhóm thực hiện công việc sao cho hiệu quả và đạt tiến độ đề ra.

c, **Nâng cao trình độ CBCNV.**

- Có kế hoạch thường xuyên bố trí CBCNV tập huấn tại các lớp chuyên đề nghiệp vụ chuyên môn do các viện khoa học đào tạo chủ trì, mặt khác thường xuyên tham khảo các tài liệu Quy trình kỹ thuật có liên quan tới chuyên môn nhằm mục đích không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao.

III. Bảng phân công nhiệm vụ, công việc của cán bộ phòng thí nghiệm

Lĩnh vực phụ trách	Họ và tên	Chức vụ	Chức năng - Nhiệm vụ	Ghi chú
Quản lý phòng thí nghiệm	Lê Thuận Kiên	Trưởng phòng	- Trưởng phòng thí nghiệm phụ trách chung điều hành công việc mọi hoạt động liên quan của phòng thí nghiệm	

		<ul style="list-style-type: none"> - Chịu trách nhiệm về công tác quản lý chất lượng, công tác thí nghiệm, tính trung thực, khách quan của các kết quả thí nghiệm của Phòng thí nghiệm xuất ra khỏi phòng trước khách hàng, trước ban lãnh đạo Công ty và trước pháp luật. - Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty xây dựng chính sách chất lượng, định hướng phát triển của phòng thí nghiệm, xây dựng mối quan hệ với khách hàng - Tổ chức sắp xếp, tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty tổ chức sắp xếp cán bộ nhân sự cho phòng thí nghiệm theo nhu cầu công việc để đạt được hiệu quả cao nhất - Trực tiếp điều động nhân sự trong phòng thí nghiệm phục vụ công tác thí nghiệm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và tiến độ của công việc - Điều hành hoạt động của các phòng thí nghiệm tại hiện trường khi có công trình yêu cầu đặt phòng thí nghiệm. - Quản lý trang thiết bị thí nghiệm, có kế hoạch trong phòng thí nghiệm đảm bảo công tác quản lý tài sản của Công ty . - Tham gia xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng cho phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn và quy chế quản lý phòng thí nghiệm hiện hành theo quy định. - Trực tiếp tham gia thí nghiệm và chịu trách nhiệm về các kết quả thí nghiệm của mình khi yêu cầu công việc cần sự đáp ứng về tiến độ, trình độ năng lực - Đề xuất với Ban lãnh đạo Công ty về các chương trình đào tạo nâng cao tay nghề cho các thí nghiệm viên. - Quản lý trực tiếp, quản lý hồ sơ, kết quả thí nghiệm, tiến độ các công trình mà Công ty tham gia thí nghiệm. 	
<p>1, Thử nghiệm cơ lý xi măng 2, Thí nghiệm Bê tông và Bê tông nặng</p>	<p>1, Trần Quang Trung 2, Hồ Văn Hồng</p>	<p>Thí nghiệm viên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức năng: Phụ trách công tác thí nghiệm, thử nghiệm cho các lĩnh vực: 1, Thử nghiệm cơ lý xi măng 2, Thí nghiệm Bê tông và Bê tông nặng 3, Thí nghiệm (cấp phối) cốt liệu cát, đá, sỏi 4, Thử nghiệm vữa xây dựng - Nhiệm vụ: + Chịu trách nhiệm lập các quy trình, chuẩn bị các dụng cụ, máy móc phục vụ công tác 	

<p>3, Thí nghiệm cốt liệu cát, đá, sỏi (Cốt liệu) 4, Thử nghiệm vữa xây</p>			<p>thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm, phân tích đánh giá kết quả, xuất kết quả theo biểu mẫu quy định tại tiêu chuẩn, trình lãnh đạo phê duyệt kết quả, trả kết quả cho người tiếp nhận mẫu hoặc trong một số trường hợp thì phải trả kết quả cho khách hàng, quản lý, lưu trữ hồ sơ, kết quả thí nghiệm, lưu trữ mẫu thí nghiệm cần lưu (khi có yêu cầu của Lãnh đạo phòng) + Tư vấn, đề xuất với trưởng phòng về các điều kiện để thực hiện thí nghiệm một cách khách quan, trung thực + Hỗ trợ các bộ phận khác khi có yêu cầu của trưởng phòng + Tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo các trong việc xây dựng các hướng dẫn thí nghiệm trong lĩnh vực phụ trách + Trong một số trường hợp thì phải trực tiếp tiếp nhận yêu cầu của khách hàng, mã hóa mẫu thí nghiệm, vào sổ lưu trữ thông tin, lưu mẫu thí nghiệm tại hiện trường (nếu có yêu cầu của Lãnh đạo phòng)</p>	
<p>1, Thí nghiệm cơ lý đất trong phòng 2, Thí nghiệm tại hiện trường</p>	<p>1, Lưu Hồng Phong 2, Hồ Văn Hồng 3, Hồ Gia Khánh</p>	<p>Nhân viên thí nghiệm</p>	<p>- Chức năng: Phụ trách công tác thí nghiệm, thử nghiệm cho các lĩnh vực: 1, Thí nghiệm cơ lý đất trong phòng 2, Thí nghiệm tại hiện trường + Chịu trách nhiệm lập các quy trình thí nghiệm, chuẩn bị các dụng cụ, máy móc phục vụ công tác thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm, phân tích đánh giá kết quả, xuất kết quả theo biểu mẫu quy định tại tiêu chuẩn, trình lãnh đạo phê duyệt kết quả, trả kết quả cho người tiếp nhận mẫu hoặc trong một số trường hợp thì phải trả kết quả cho khách hàng, quản lý, lưu trữ hồ sơ, kết quả thí nghiệm, lưu trữ mẫu thí nghiệm cần lưu (khi có yêu cầu của Lãnh đạo phòng) + Tư vấn, đề xuất với trưởng phòng về các điều kiện để thực hiện thí nghiệm một cách khách quan, trung thực + Hỗ trợ các bộ phận khác khi có yêu cầu của trưởng phòng + Tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo các trong việc xây dựng các hướng dẫn thí nghiệm trong lĩnh vực phụ trách + Trong một số trường hợp thì phải trực tiếp tiếp nhận yêu cầu của khách hàng, mã hóa mẫu</p>	

TCVN

ISO 17025:2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN TVXD GIAO THÔNG QUẢNG BÌNH
PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐCCT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG****SỔ TAY CHẤT LƯỢNG**

Mã số: STCL

Ngày ban hành: 10/4/2026

Lần ban hành: 03

Trang: 15/27

			thí nghiệm, vào sổ lưu trữ thông tin, lấy mẫu thí nghiệm tại hiện trường (nếu có yêu cầu của Lãnh đạo phòng)
1, Thí nghiệm Bê tông nhựa 2, Thí nghiệm Nhựa Bitum 3, Thí nghiệm bột khoáng cho BTN	1, Trần Quang Trung 2, Lưu Hồng Phong 3, Hồ Gia Khánh	Nhân viên thí nghiệm	<p>- Chức năng: Phụ trách công tác thí nghiệm, thử nghiệm cho các lĩnh vực:</p> <p>1, Thí nghiệm Bê tông nhựa 2, Thí nghiệm Nhựa Bitum 3, Thí nghiệm bột khoáng cho BTN</p> <p>+ Chịu trách nhiệm lập các quy trình thí nghiệm, chuẩn bị các dụng cụ, máy móc phục vụ công tác thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm, phân tích đánh giá kết quả, xuất kết quả theo biểu mẫu quy định tại tiêu chuẩn, trình lãnh đạo phê duyệt kết quả, trả kết quả cho người tiếp nhận mẫu hoặc trong một số trường hợp thì phải trả kết quả cho khách hàng, quản lý, lưu trữ hồ sơ, kết quả thí nghiệm, lưu trữ mẫu thí nghiệm cân lưu (khi có yêu cầu của Lãnh đạo phòng)</p> <p>+ Tư vấn, đề xuất với trưởng phòng về các điều kiện để thực hiện thí nghiệm một cách khách quan, trung thực</p> <p>+ Hỗ trợ các bộ phận khác khi có yêu cầu của trưởng phòng</p> <p>+ Tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo các trong việc xây dựng các hướng dẫn thí nghiệm trong lĩnh vực phụ trách</p> <p>+ Trong một số trường hợp thì phải trực tiếp tiếp nhận yêu cầu của khách hàng, mã hóa mẫu thí nghiệm, vào sổ lưu trữ thông tin, lấy mẫu thí nghiệm tại hiện trường (nếu có yêu cầu của Lãnh đạo phòng)</p>

**PHẦN II
CÁC CHÍNH SÁCH CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI
CÁC YÊU CẦU CỦA TIÊU CHUẨN**

CHƯƠNG I: HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

STT	Tên Hồ sơ – Quy trình	Mã số	Biểu mẫu	Ghi chú
1	Sổ tay chất lượng	STCL		
2	Quy trình kiểm soát Tài liệu	QT01	BM-01-01 BM-01-02 BM-01-03 BM-01-04	
3	Quy trình kiểm soát Hồ sơ	QT02	BM-02-01 BM-02-02	
4	Quy trình đánh giá nội bộ	QT03	BM-03-01 BM-03-02 BM-03-03 BM-04-01	
5	Quy trình khắc phục phòng ngừa	QT04	BM-04-01 BM-04-02	
6	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp	QT05	BM-05-01 BM-05-02	
7	Quy trình xem xét lãnh đạo	QT06	BM-06-01 BM-06-02	
8	Quy trình đánh giá sự thoả mãn của khách hàng	QT07	BM-07-01 BM-07-02	
9	Quy trình lấy mẫu hiện trường , bảo quản và vận chuyển mẫu	QT08	BM-08-01 BM-08-02	
10	Quy trình tiếp nhận và lưu mẫu	QT09	BM-09-01	
11	Quy trình thí nghiệm kiểm định	QT10	BM-10-01 BM-10-02 BM-10-03 BM-10-04 BM-10-05 BM-10-06 BM-10-07 BM-10-08 BM-10-09 BM-10-10 BM-10-11 BM-10-12 BM-10-13	

			BM-10-14 BM-10-15 BM-10-16 BM-10-17 BM-10-18 BM-10-19 BM-10-20 BM-10-21 BM-10-22 BM-10-23 BM-10-24 BM-10-25 BM-10-26	
12	Quy trình quản lý thiết bị	QT11	BM-11-01 BM-11-02	
13	Quy trình thuê thầu phụ	QT12	BM-12-01 BM-12-02 BM-12-03	
14	Quy trình mua sắm thiết bị	QT13	BM-13-01 BM-13-02	

1. Yêu cầu chung đối với hệ thống quản lý chất lượng

Công ty xây dựng thiết lập văn bản thực hiện và duy trì HTQLCL và thường xuyên nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hệ thống chất lượng thông qua các hành động cụ thể:

- Xác định các quá trình cần thiết trong hệ thống quản lý chất lượng, xác định nhu cầu và văn bản hoá các quá trình của hệ thống. Các loại văn bản trên được phổ biến đến các cán bộ liên quan để triển khai áp dụng.
- Đảm bảo việc văn bản hoá các quá trình phải thể hiện được trình tự và các quá trình trong hệ thống quản lý chất lượng. Các văn bản HTQLCL được xây dựng chủ yếu bằng các sơ đồ dòng chảy và chúng dẫn chiếu đến nhau. Sự tương tác của các quá trình trong hệ thống được mô tả theo Phụ lục 1.
- Xác định các tiêu chí và phương pháp cần thiết đảm bảo cho công việc và kiểm soát các quá trình.
- Đảm bảo sẵn có các nguồn lực và thông tin cần thiết.
- Theo dõi, đo lường khi thích hợp và phân tích các quá trình, thực hiện các hành động cần thiết để thường xuyên cải tiến.

Khi có nhu cầu cần thuê, mua nguồn lực bên ngoài để hỗ trợ cho quá trình thực hiện công việc thì Công ty sẽ kiểm soát các quá trình này để dịch vụ luôn phù hợp với

TCVN	CÔNG TY CỔ PHẦN TVXD GIAO THÔNG QUẢNG BÌNH		
	PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐCCT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG		
ISO 17025:2017	SỔ TAY CHẤT LƯỢNG		
Mã số: STCL	Ngày ban hành: 10/4/2026	Lần ban hành: 03	Trang: 18/27

các yêu cầu và không ngừng cải tiến thoả mãn yêu cầu khách hàng. Các quá trình này được kiểm soát theo tiêu chuẩn ISO 17025:2017.

2. Yêu cầu về hệ thống tài liệu

Tài liệu hệ thống chất lượng của Công ty bao gồm:

- Các văn bản công bố chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng.
- Sổ tay chất lượng.
- Các thủ tục dạng văn bản và các hồ sơ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.
- Các tài liệu bao gồm cả hồ sơ khác như qui định, qui chế của công ty,...
- Các văn bản pháp quy, các tiêu chuẩn liên quan.

3. Sổ tay chất lượng

Công ty xây dựng và duy trì sổ tay chất lượng bao gồm:

- Các nội dung chi tiết và những giải thích về các yêu cầu mà Công ty không áp dụng.
- Các thủ tục dạng văn bản được thiết lập cho HTQLCL hoặc việc dẫn đến chúng.
- Mô tả sự tương tác của chúng ảnh hưởng đến HTQLCL (*sơ đồ tương tác của các quá trình trong HTQLCL theo Phụ lục 1*)

4. Kiểm soát tài liệu


Công ty xây dựng một thủ tục kiểm soát tài liệu nhằm đáp ứng các yêu cầu tại quy định của ISO 17025:2017 và kiểm soát các tài liệu của Công ty.

Tài liệu liên quan: Quy trình kiểm soát tài liệu QT01

5. Kiểm soát hồ sơ

Công ty xây dựng thủ tục văn bản để kiểm soát hồ sơ chất lượng để đảm bảo rằng các hồ sơ đều dễ nhận biết, bảo quản, bảo vệ, sử dụng, có thời gian lưu trữ và huỷ bỏ đều được quy định. Các hồ sơ chất lượng cần thiết đều được xác định và lập danh mục hồ sơ theo từng phòng. Mỗi phòng đều thiết lập và lưu giữ một danh mục hồ sơ chất lượng. Danh mục qui định thời gian lưu giữ, trách nhiệm lưu, phương pháp lưu, phương pháp huỷ bỏ các hồ sơ chất lượng.

Tài liệu liên quan: Quy trình kiểm soát hồ sơ QT02

	CÔNG TY CỔ PHẦN TVXD GIAO THÔNG QUẢNG BÌNH PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐCCT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG		
	SỔ TAY CHẤT LƯỢNG		
Mã số: STCL	Ngày ban hành: 10/4/2026	Lần ban hành: 03	Trang: 19/27

CHƯƠNG II: TRÁCH NHIỆM LÃNH ĐẠO

1. Cam kết của lãnh đạo

Lãnh đạo Công ty cam kết xây dựng và thực hiện HTQLCL, thường xuyên cải tiến và nâng cao hiệu lực của hệ thống bằng các biện pháp cụ thể như sau:

- Tổ chức phổ biến đến toàn thể nhân viên trong Công ty về chính sách chất lượng của Công ty .
- Mở các lớp tập huấn theo yêu cầu của ISO 17025:2017 và các tiêu chuẩn ISO tương đương để mọi người hiểu rõ trách nhiệm các công việc mà mình được giao trong HTQLCL của Công ty.
- Các nhân viên trong Công ty hiểu rõ và thoả mãn yêu cầu của khách hàng về mặt chất lượng trên cơ sở tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Nhà nước và quy định của Công ty.
- Lãnh đạo xây dựng chính sách chất lượng và cam kết thực hiện chính sách chất lượng
- Đảm bảo chính sách chất lượng được thực hiện nghiêm túc và thường xuyên cải tiến. Công ty thực hiện các mục tiêu chất lượng được hoạch định theo từng thời kỳ.
- Để đảm bảo HTQLCL thực hiện và thường xuyên được cải tiến, Giám đốc Công ty cam kết đáp ứng các nguồn lực cần thiết để xây dựng chất lượng dịch vụ ngày càng tốt hơn.

2. Định hướng khách hàng

Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các yêu cầu của khách hàng được xác định nhằm đáp ứng, nâng cao sự thoả mãn của khách hàng. Các phòng chuyên môn, các bộ phận, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tiếp nhận xác định rõ các yêu cầu của khách hàng, tiến hành theo dõi thu thập các thông tin liên quan đến sự thoả mãn của khách hàng trên cơ sở đó có các hành động cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của khách hàng và tăng cường sự thoả mãn của khách hàng.

Tài liệu liên quan: Quy trình đánh giá sự thoả mãn của khách hàng QT07

3. Chính sách chất lượng

Chính sách chất lượng là định hướng và cam kết lâu dài của Công ty, được Lãnh đạo Công ty thiết lập và truyền đạt tới mọi thành viên trong phạm vi áp dụng của Hệ thống quản lý chất lượng ISO 17025:2017 của Phòng thí nghiệm. thiết lập chính sách chất lượng:

TCVN	CÔNG TY CỔ PHẦN TVXD GIAO THÔNG QUẢNG BÌNH		
	PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐCCT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG		
ISO 17025:2017	SỔ TAY CHẤT LƯỢNG		
Mã số: STCL	Ngày ban hành: 10/4/2026	Lần ban hành: 03	Trang: 20/27

“Khách quan, trung thực, chính xác và cải tiến liên tục để đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng”

4. Hoạch định HTQLCL

a) Mục tiêu chất lượng

Mục tiêu chất lượng được xây dựng trên cơ sở chính sách chất lượng. Mục tiêu chất lượng được xây dựng hàng năm, tại các phòng chuyên môn, các bộ phận chức năng xem xét xây dựng các mục tiêu chất lượng cho đơn vị mình trên cơ sở chính sách chất lượng và nhiệm vụ được giao. Trưởng các đơn vị có trách nhiệm lập các biện pháp thực hiện mục tiêu chất lượng. Mục tiêu chất lượng được xây dựng, được xem xét đánh giá hàng năm tại cuộc họp xem xét của Lãnh đạo

b) Hoạch định hệ thống chất lượng

Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng:

- Hoạch định HTQLCL để đáp ứng các yêu cầu nêu trong tiêu chuẩn ISO 17025:2017 cũng như các mục tiêu chất lượng. Việc hoạch định thông qua việc xác định các quy trình, xây dựng hệ thống văn bản, các biện pháp để thực hiện mục tiêu chất lượng và xác định các nguồn lực cần thiết để thực hiện các mục tiêu chất lượng và thực hiện các quá trình.
- Đảm bảo tính nhất quán của HTQLCL được duy trì, khi các thay đổi với hệ thống được hoạch định và thực hiện.

5. Trách nhiệm và quyền hạn

a) Trách nhiệm và quyền hạn

Lãnh đạo Công ty xác định trách nhiệm và các mối quan hệ trong công việc và bảo đảm quyền hạn của các thành viên trong Công ty để thực hiện công việc được giao thông qua:

- Chức năng nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, các bộ phận, cá nhân,...
- Sơ đồ Phòng thí nghiệm
- Các quy trình trong HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO 17025:2017.
- Đảm bảo toàn bộ nhân viên trong Công ty nhận thức được yêu cầu của khách hàng về mặt chất lượng dịch vụ thông qua các biện pháp tuyên truyền nội bộ các cuộc họp giao ban.

b) Đại diện lãnh đạo

TCVN ISO 17025:2017	CÔNG TY CỔ PHẦN TVXD GIAO THÔNG QUẢNG BÌNH PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐCCT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG		
	SỔ TAY CHẤT LƯỢNG		
Mã số: STCL	Ngày ban hành: 10/4/2026	Lần ban hành: 03	Trang: 21/27

Giám đốc Công ty bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty làm Đại diện của lãnh đạo về chất lượng (ĐDLLĐ), ngoài các trách nhiệm khác, ĐDLLĐ có trách nhiệm đảm bảo duy trì hiệu lực, hiệu quả HTQLCL, tiến hành các cải tiến (nếu có) và thường xuyên báo cáo về tình trạng HTQLCL cho Giám đốc Công ty.

c) Trao đổi thông tin nội bộ

Hệ thống thông tin được trao đổi thường xuyên giữa các phòng ban của Công ty dựa trên bản phân công chức năng nhiệm vụ do Giám đốc ban hành.

6. Xem xét của lãnh đạo

Lãnh đạo Công ty định kỳ xem xét HTQLCL 12 tháng/ lần để đưa ra các quyết định duy trì và cải tiến hiệu lực, hiệu quả của HTQLCL theo như yêu cầu tại điều 5.6 tiêu chuẩn ISO 17025:2017.

Tài liệu liên quan: Quy trình xem xét của lãnh đạo QT06

CHƯƠNG III: QUẢN LÝ NGUỒN LỰC

1. Cung cấp nguồn lực

Lãnh đạo Công ty xác định và cung cấp, nguồn lực cần thiết kịp thời để thực hiện duy trì HTQLCL nhằm:

- Không ngừng nâng cao tính hiệu lực của hệ thống.
- Đảm bảo thoả mãn nhu cầu của khách hàng thông qua việc đáp ứng các yêu cầu và trên cơ sở pháp luật của Nhà nước.

2. Nguồn nhân lực

Các nhân viên trong Công ty khi được phân công công việc có ảnh hưởng tới sự phù hợp với các yêu cầu của dịch vụ đều phải có năng lực thông qua việc giáo dục, đào tạo có kỹ năng và các kinh nghiệm thích hợp được xác định thông qua văn bản mô tả công việc.

Để đảm bảo các nhân viên trong Công ty có đủ năng lực thực hiện các công việc được giao, Công ty tiến hành:

- Xác định năng lực cần thiết của những người thực hiện các công việc ảnh hưởng đến sự phù hợp với các yêu cầu của công việc.
- Đào tạo hoặc những hành động khác để đạt được năng lực cần thiết.
- Đánh giá hiệu lực của hành động thực hiện.

- Đảm bảo rằng các nhân viên trong công ty nhận thức được mối liên quan và tầm quan trọng của các hoạt động của họ và họ đóng góp như thế nào đối với việc đạt được mục tiêu chất lượng.
- Duy trì hồ sơ thích hợp về giáo dục, đào tạo, kỹ năng và kinh nghiệm chuyên môn.

3. Cơ sở hạ tầng

Ban lãnh đạo Công ty xác định, cung cấp, duy trì cơ sở hạ tầng cần thiết để bảo đảm sự phù hợp đối với yêu cầu của dịch vụ cung cấp cho các khách hàng và yêu cầu của các quá trình thực hiện công việc.

Cơ sở hạ tầng bao gồm:

- Nhà cửa, không gian làm việc và các điều kiện kèm theo.
- Trang thiết bị phục vụ công việc (cả phần mềm và phần cứng), hệ thống công nghệ thông tin, an toàn lao động vệ sinh môi trường.
- Dịch vụ hỗ trợ cho thực hiện các công việc (vận chuyển hoặc trao đổi thông tin hay hệ thống thông tin...).

Tài liệu liên quan: Quy trình quản lý thiết bị QT10

4. Môi trường làm việc

Công ty đảm bảo xác định và quản lý môi trường làm việc cần thiết để đạt sự phù hợp với các yêu cầu của dịch vụ, trong đó chú ý tạo môi trường làm việc thuận lợi, có văn hóa để cán bộ làm việc có hiệu quả hơn.

CHƯƠNG IV: QUÁ TRÌNH TẠO SẢN PHẨM

1. Hoạch định

Công ty tiến hành lập kế hoạch và triển khai các quá trình cần thiết để thực hiện các công việc để cung cấp các dịch vụ. Các quá trình này đều nhất quán với các yêu cầu khác của HTQLCL. Trong quá trình xây dựng kế hoạch và các qui trình, hướng dẫn thực hiện cho một loại dịch vụ, Công ty xem xét các vấn đề sau:

- Các mục tiêu chất lượng và các yêu cầu đối với dịch vụ.
- Nhu cầu thiết lập các quá trình và tài liệu cũng như cung cấp các nguồn lực cụ thể đối với mỗi loại dịch vụ cụ thể.
- Các hoạt động kiểm tra xác nhận, xác nhận giá trị sử dụng, theo dõi, đo lường, kiểm tra phê duyệt cụ thể cần thiết đối với từng loại dịch vụ hành chính và các yêu cầu cụ thể đối với các dịch vụ cung cấp.

- Các hồ sơ cần thiết để cung cấp bằng chứng chứng tỏ rằng các quá trình thực hiện và dịch vụ hành chính cung cấp cho các khách hàng được đáp ứng các yêu cầu.

2. Các quá trình liên quan đến khách hàng

Lãnh đạo Công ty, các phòng chuyên môn, cá nhân có trách nhiệm tiếp nhận các yêu cầu của khách hàng theo nhiệm vụ của mình. Khi tiếp nhận các yêu cầu của khách hàng cần xác định các yêu cầu liên quan đến các dịch vụ cung cấp, bao gồm yêu cầu của Pháp luật, của Khách hàng và các yêu cầu của Công ty.

Công ty tiến hành xem xét các yêu cầu liên quan đến việc cung cấp dịch vụ để đảm bảo Công ty có khả năng đáp ứng được yêu cầu này. Quá trình xem xét phải đảm bảo yêu cầu về dịch vụ cung cấp được xác định rõ và đáp ứng các yêu cầu của khách hàng, các yêu cầu trong bằng các loại văn bản liên quan nếu thấy khác với những gì đã nêu trước đó phải được giải quyết ổn thỏa.

Khi các yêu cầu về dịch vụ thay đổi, Công ty đảm bảo rằng các văn bản tương ứng được sửa đổi và các cá nhân liên quan đến nhận thức được các yêu cầu thay đổi đó.

Trong quá trình thực hiện công việc, nếu cần thiết phải bổ sung những thông tin liên quan đến yêu cầu của khách hàng, bộ phận/ cá nhân giải quyết có trách nhiệm trao đổi với khách hàng biết để bổ sung. Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về dịch vụ, bộ phận/ cá nhân giải quyết phải tiếp nhận và hướng dẫn cho khách hàng làm lại các thủ tục cần thiết.

Khi có sai sót trong kết quả dịch vụ do khách hàng khiếu nại, bộ phận trực tiếp xử lý phải ghi nhận vào hồ sơ và báo cáo kịp thời với lãnh đạo biết để có biện pháp xử lý khắc phục. Những văn bản (hay thông qua Fax, điện thoại, email,...) khiếu nại của khách hàng phải được lưu giữ để làm cơ sở cho hành động khắc phục/ phòng ngừa sai sót.

3. Thiết kế sản phẩm

Không áp dụng.

4. Quá trình mua hàng

Công ty tiến hành đánh giá, lựa chọn và theo dõi các nhà cung cấp và kiểm tra sản phẩm mua vào để đảm bảo sản phẩm mua vào luôn phù hợp với các yêu cầu quy định, cách thức và mức độ kiểm soát đối với người cung ứng và sản phẩm mua vào phụ thuộc vào sự tác động của sản phẩm mua vào đối với việc cung cấp dịch vụ của Công ty.

Thông tin mua hàng miêu tả sản phẩm được mua bao gồm: quy cách số lượng, địa điểm giao hàng, các tiêu chuẩn kỹ thuật đối với các sản phẩm.... Các thông tin mua hàng được thể hiện trên hợp đồng hoặc đơn đặt hàng.

Các sản phẩm mua vào được kiểm tra thử nghiệm để bảo đảm các yêu cầu mua hàng theo quy định. Phòng chuyên môn, bộ phận hoặc cá nhân có liên quan có trách nhiệm tiến hành kiểm tra các sản phẩm mua vào trước khi nhập kho hoặc bàn giao đưa vào sử dụng.

5. Kiểm soát và cung cấp dịch vụ

a) Kiểm soát các quá trình cung cấp dịch vụ

Các bộ phận/ cá nhân khi thực hiện các công việc đều có trách nhiệm tuân thủ các qui trình, hướng dẫn công việc, các văn bản pháp luật liên quan.

Tài liệu liên quan: Quy trình nhận mẫu và lưu mẫu QT09

Quy trình lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu QT10

Quy trình thí nghiệm QT08

b) Xác định giá trị sử dụng của quá trình cung cấp dịch vụ

Công ty phải xác định giá trị sử dụng đối với các quá trình cung cấp dịch vụ, khi kết quả đầu ra không thể kiểm tra xác nhận bằng cách theo dõi, xem xét, phê duyệt sau đó.

Đối với các quá trình trên, khi có thể, Công ty tiến hành xem xét vấn đề sau:

- Các yêu cầu, qui định để xem xét và phê duyệt các quá trình thực hiện các công việc.
- Phê duyệt trình độ năng lực của nhân viên.
- Xây dựng các hướng dẫn và thủ tục thực hiện các công việc cụ thể;
- Các yêu cầu về hồ sơ cần lưu giữ.
- Tái xác nhận giá trị sử dụng.

c) Nhận biết và xác định nguồn gốc dịch vụ

Các dịch vụ cung cấp được nhận biết bằng tên khách hàng, số mã hiệu hợp đồng, ngày tháng ban hành văn bản, số mã hiệu văn bản....

Trong quá trình thực hiện cung cấp từng loại dịch vụ cụ thể, ở từng giai đoạn thích hợp, kết quả giải quyết công việc sẽ được xem xét, phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền theo qui định của Công ty.

Tài liệu liên quan: Quy trình nhận mẫu và lưu mẫu QT09

Quy trình lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu QT10

TCVN	CÔNG TY CỔ PHẦN TVXD GIAO THÔNG QUẢNG BÌNH		
	PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐCCT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG		
ISO 17025:2017	SỔ TAY CHẤT LƯỢNG		
Mã số: STCL	Ngày ban hành: 10/4/2026	Lần ban hành: 03	Trang: 25/27

Quy trình thí nghiệm QT08

d) Tài sản của khách hàng

Khi tiếp nhận các tài sản của khách hàng trong quá trình cung cấp dịch vụ các nhân viên của Công ty phải xem xét, khi cần thiết, phải ghi sổ, mã hoá và lập biên bản tiếp nhận các tài sản (khi cần thiết). Các nhân viên của Công ty phải đảm bảo các tài sản của khách hàng phải được lưu giữ cẩn thận và phải nhận biết được tình trạng của các tài liệu.

Tài liệu liên quan: *Quy trình nhận mẫu và lưu mẫu QT09*

Quy trình lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu QT10

Quy trình thí nghiệm QT08

e) Bảo toàn dịch vụ

Các loại tài liệu; hồ sơ trong quá trình giải quyết công việc, khi chuyển giao cho khách hàng đều được xem xét để đảm bảo tài liệu, hồ sơ không bị thất lạc, đến tận tay khách hàng có yêu cầu.

Tài liệu liên quan: *Quy trình nhận mẫu và lưu mẫu QT09*

Quy trình lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu QT10

Quy trình thí nghiệm QT08

6. Kiểm soát phương tiện theo dõi đo lường

Công ty thiết lập một thủ tục để kiểm tra các thiết bị kiểm tra đo lường thử nghiệm để đảm bảo có độ chính xác đạt yêu cầu đề ra và yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 17025:2017.

Tài liệu liên quan: *Quy trình quản lý thiết bị QT11*


CHƯƠNG V: ĐO LƯỜNG, PHÂN TÍCH, CẢI TIẾN

1. Theo dõi và đo lường

a) Sự thoả mãn của khách hàng

Phòng Thí nghiệm tiến hành thu thập ý kiến khách hàng thông qua phiếu góp ý và có trách nhiệm tập hợp và chuyển các phòng chuyên môn, các bộ phận liên quan, lãnh đạo Công ty xem xét để triển khai thực hiện các hành động cải tiến theo qui trình hành động khắc phục/ phòng ngừa.

Tài liệu liên quan: *Quy trình hành động khắc phục, phòng ngừa QT04*

	CÔNG TY CỔ PHẦN TVXD GIAO THÔNG QUẢNG BÌNH PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐCCT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG		
	SỔ TAY CHẤT LƯỢNG		
Mã số: STCL	Ngày ban hành: 10/4/2026	Lần ban hành: 03	Trang: 26/27

Quy trình đánh giá sự thỏa mãn của khách hàng QT06

b) Đánh giá chất lượng nội bộ

Công ty tiến hành đánh giá chất lượng nội bộ ít nhất 12 tháng/một lần để đảm bảo hệ thống quản lý chất lượng:

- Phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn, yêu cầu của HTQLCL được thiết lập.
- Được áp dụng một cách có hiệu lực, được duy trì.

Kế hoạch đánh giá, chương trình đánh giá được xây dựng dựa trên tình trạng và tầm quan trọng của các quá trình, khu vực được đánh giá và kết quả của các cuộc đánh giá trước.

- Chuyên gia đánh giá là những người không được đánh giá công việc của mình.
- Đại diện lãnh đạo có trách nhiệm xem xét báo cáo đánh giá có chất lượng nội bộ.

Tài liệu liên quan: *Quy trình đánh giá chất lượng nội bộ QT03*

Quy trình hành động khắc phục, phòng ngừa QT06

c) Theo dõi và đo lường các quá trình

Công ty tổ chức các phương pháp thích hợp cho việc kiểm tra, phê duyệt các quá trình thực hiện công việc của nhân viên trong công ty theo qui định nhằm đảm bảo kết quả của các công việc được thực hiện đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng, yêu cầu của Công ty và các yêu cầu Pháp luật.

d) Theo dõi và đo lường sản phẩm

- Công ty tiến hành theo dõi, kiểm tra, phê duyệt các kết quả giải quyết công việc để xác nhận rằng dịch vụ cung cấp đáp ứng được yêu cầu của khách hàng và các yêu cầu về Luật định.

- Các kết quả theo dõi, kiểm tra, phê duyệt được thực hiện thông qua các văn bản giải quyết công việc ở từng giai đoạn thích hợp theo qui định.

Tài liệu liên quan: *Quy trình nhận mẫu và lưu mẫu QT09*

Quy trình thí nghiệm QT08

2. Kiểm soát sự không phù hợp

Các nhân viên trong Công ty có trách nhiệm xác định, thực hiện xử lý các vấn đề không phù hợp trong quá trình thực hiện các công việc cung cấp dịch vụ liên quan. Kết quả sau xử lý phải đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng cũng như các yêu cầu về luật định. Sự không phù hợp có thể là :

- Các tài liệu hướng dẫn khách hàng không đạt yêu cầu.
- Các sai sót trong quá trình giải quyết công việc.
- Các kết quả đánh giá nội bộ, đánh giá của khách hàng, đánh giá của bên thứ ba có liên quan đến sự không phù hợp.
- Thời gian thực hiện công việc, cung cấp dịch vụ chậm trễ, không đạt yêu cầu....
- Khiếu nại của các cá nhân tổ chức về các dịch vụ cung cấp.

Tài liệu liên quan: Quy trình kiểm soát sự không phù hợp QT05

3. Phân tích dữ liệu

Công ty tiến hành xác định, thu nhập và phân tích các dữ liệu tương ứng để chứng tỏ sự thích hợp và tính hiệu lực của HTQLCL và đánh giá xem sự cải tiến thường xuyên hiệu lực của hệ thống quản lý chất lượng.

Các thông tin cần phân tích là các thông tin thu thập từ các ý kiến khách hàng, các khiếu nại của khách hàng, thông tin các kết quả giải quyết công việc.

4. Cải tiến

a) Cải tiến thường xuyên

Công ty thường xuyên nâng cao tính hiệu lực của HTQLCL thông qua việc sử dụng chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng, kết quả đánh giá, phân tích dữ liệu, hành động khắc phục phòng ngừa và xem xét của lãnh đạo.

b) Hành động khắc phục, phòng ngừa

Công ty phải thực hiện hành động khắc phục/phòng ngừa nhằm loại bỏ các nguyên nhân của sự không phù hợp để ngăn chặn sự tái diễn/ xuất hiện. Việc thực hiện các hành động khắc phục/ phòng ngừa tương ứng với tác động của sự không phù hợp gặp bao gồm:

- Xem xét sự không phù hợp
- Xác định nguyên nhân của sự không phù hợp
- Xem xét thực hiện các biện pháp cần có để bảo đảm rằng sự không phù hợp không tái diễn/ xuất hiện.
- Xác định và thực hiện các hành động cần thiết.
- Lưu hồ sơ các kết quả của hàng được thực hiện.
- Xem xét hiệu lực của các hành động khắc phục đã được thực hiện.

Tài liệu liên quan: Quy trình hành động khắc phục, phòng ngừa QT04